

PHẬT-GIÁO HỘI
ASSOCIATION BOUDDHIQUE

ĐUỐC - TUÊ

TUẦN BÁO RA NGÀY 1^o VÀ 15

Báo quan ở chùa Quán-Sứ N. 73 Rickaud, Hanoi



Chủ-nhiệm : Nguyễn-năng Quốc
Ban-chánh-hội trưởng hội Phật-giáo
Quản-lý : Cung-dinh-Bính

Chánh chủ bút : Phan-chung-Thứ
Sư cụ chùa Hàng-Sở
Phó chủ bút : Dương-vân-Hiến
Sư cụ chùa Tế-Cải

GIA BÁO : Cả năm 1\$50. Nửa năm 0\$80. Mỗi số 0\$07.

THỦY-XAM

DẶNG NGHĨA

Đến ngày 30 tháng 9 là ngày dân đức Dương sư. Chúng tôi Thủy-xám sẽ in xong quyền thượng. Chúng tôi định đến chiều tối hôm 29 thì làm một khóa lễ Thủy-xám, xin mời các ngài đã đặt mục Thủy-xám đến dự lễ, trước là thêm phần long trọng, sau là xem lễ, rồi sau mới tri tụng được.

Các ngài đặt trước, độ trung tuần tháng 9 là chúng tôi sẽ gửi kính đến đề các Ngài xem trước thì tri kỷ mới đi giữ lễ được. Vì đã xem lễ rồi, lại được mục kích lúc làm lễ thì mặt công ít mà biết đến nơi đến chốn ngay vậy.

Một quả phúc rất lớn, dám mong thập phương thiện tín cố động giúp cho, chúng tôi được nhờ phúc lành nhiều lắm.

Nhà in Đuốc Tuệ

TIN CÁC HỘI-VIÊN QUÁ CỐ

M. Nguyễn đức Dương, xã Cung thuận Sơn tây viên tịch ngày 1-5-38

M. Trương môn Trần thị Phình, 50 Hàng buồm Hanoi viên tịch ngày 29 5-38.

M. Thành ngọc Nhiên ở công gạch, Bạch mai, Hanoi viên tịch ngày 30-6-38.

Mme Vũ thị Xuân xã Thân-khê Cổ quán Diên hưng Thái bình viên tịch ngày 9-6-38.

M. Chu quyền Quang, 34 Hàng Buồm Hanoi, viên tịch ngày 2 Juillet 1938.

Mme Nguyễn thị Niệm, Cờ am (Haidương) viên tịch ngày 2 Jain 1938.

Mme Kiều thị Đản, Bách-lộc viên tịch ngày 9-7-37.

Đạo Phật đang dựng lại cây nêu

Ở THÀNH HÀ NỘI

Ngọn tháp chùa mới Trung-ương Phật giáo
sẽ thay ngọn tháp Báo thiên

Ngày nay khách du lịch đi gần đến một chốn đó thành nào, ngừng một trông lên tất thấy sủa-sủa những cột nhọn bằng gạch, bằng đá, hoặc bằng sắt, chót vót trọc trọc. Mỗi một cái cột nhọn cao ngất trên không ấy tức là một cái cây nêu tiêu-biểu một sự nghiệp gì của xã-hội vậy. Cái thị-jệu biểu cho một chiến công như ngọn tháp kỷ-niệm nền dân chủ nước Pháp. Cái thị tiêu biểu cho những nền tôn-giáo như những ngọn tháp của chùa thờ Phật, của nhà thờ đạo Gia-lô, hoặc của nhà thờ đạo Hồi. Cái thị tiêu-biểu cho cuộc công nghệ như những cột ống khói của các siêng thợ. Cái thị tiêu biểu về khoa-học tiến-hóa những ngọn đài thiên-văn, ngọn đài vô tuyến-điện v. v. Và, mỗi một cột nêu ấy đều theo một kiểu có một dấu hiệu riêng, thấy cái nêu có dấu riêng ấy người ta nhận thấy ngay rằng, thế-lực của sự nghiệp nào đã chiếm được và đã đứng vững ở trong xã hội ấy là thế nào.

Ngày nay thành đó nào càng nhiều những cái cột nêu ấy thì càng là nơi văn-hóa tưng tưng thực-nghiệp thịnh-vượng. Thành Hanoi của nước Việt-nam tuy lỡ chân trăm bước kém chúng bạn trong hoàn cầu, nhưng đến ngày nay cũng đã bước chân lên con đường tiến-hóa công-lệ ấy. Nghĩa là cũng đã thấy năm ba cái cột nhọn như trên ấy nhỏ lên. Song, nếu khách đề ý nhận từng dấu hiệu riêng, tất ngờ rằng trong thành Hanoi này chưa từng có sự nghiệp gì về đạo Phật. Vì không thấy có cái cột tiêu chi nào của đạo Phật. Tuy thế, nhưng xin đừng vội ngã lòng. Trước đây

đạo Phật đã từng cắm cây nêu khá cao trong thành ấy từ lâu đời, bây giờ đây đạo Phật lại đang dựng lại cây nêu ấy.

Cây nêu của đạo Phật xưa tức là ngọn tháp Báo thiên mà cây nêu đang dựng lại bây giờ tức là ngọn tháp chùa Trung ương Phật-giáo vậy.

Tháp Báo-thiên do vua Lý Thành-tông, năm Long-thụy Thái-bình 龍端太平 thứ 3, xây chùa Sùng-khánh 崇慶 và tháp Đại-thắng Tư-thiên bảo tháp 大勝資天寶塔 ở Báo thiên-phường 報天坊 tức là ở khu đất mở đồng hồ Hoàn-kiểm ngày nay, nên tục gọi là tháp Báo thiên. Tháp này theo sách Nam sử toát-yếu thì cao vài mươi trượng, có 12 tầng Nhưng xem một quyển Thần phả của làng Hành-thiện thì cao có 10 trượng, và cũng nói có 12 tầng. Lấy lịch-sử kiến-trúc của ta mà xét, có lẽ thuyết dưới đúng hơn, 10 trượng tức là 40 mét. Sách Thần phả ấy lại chưa rằng: Đến đời nhà Hồ thì tháp ấy đổ mất cái ngọn, sau nhà Tây-son rở lấy gạch tháp ấy đem đi xây việc khác thấy mỗi hòn gạch đều có in niên hiệu nhà Lý. Song cứ sử nhà Lê thì lại nói: Lúc vua Lê Thái-tổ đóng quán ở bến Bồ-đề để xây quán Minh ở thành Đông-đó (Hanoi). Ngài cho bó tre dựng làm cái tròi cao ngang với tháp Báo-thiên. Ngài ngồi trên cùng trông sang Đông-đó thấy rõ cả tình thế trong thành. Vậy thì về đầu Lê tháp Báo-thiên vẫn còn. Không biết tự đồ hay là người phá và hấn từ bao giờ.

Từ cái hoại kiếp của cái cột nêu đạo Phật ở thành Thăng-long sảy ra mà cuộc thịnh-vượng của nền giáo hóa đạo Phật đời Lý Trần cũng theo thời tiết ấy mà sút kém, chịu vắng vẻ như ngày nay. Ngày nay thời-cơ đã chuyển, vượng khí đạo Phật đã hồi, tức là ngọn tháp chùa Trung-ương Phật giáo cùng với chùa đang sảy móng đắp nền, không bao lâu hoàn thành, sẽ thay vào cho địa vị cũ của tháp Báo-thiên.

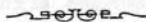
Ngon tháp chùa Trung-ương Phật-giáo này cao 36 mét tức là 90 thước, tuy còn kém tháp Báo-thiên mất 10 thước. Song đối với những cái ngọn cột nêu khác trong thành Hanoi, sẽ cũng tránh vênh, đột ngột tiêu-biểu cho một cơ quan giáo hóa tân tiến.

Đó không những là một cái công đức đáng mừng cho mọi người hội Phật-giáo mà cho cả lịch sử văn hóa Việt - nam trùng-hưng vậy

Quảng tràng thiệi cư-sĩ

Nhà Phật-học nước Mỹ nói
về đạo Phật Trung-quốc

Bác-sĩ SAUNDERS



Bài này nguyên - văn chữ tây của một nhà Phật - học bên Mỹ là Bác-sĩ Saunders (Tuyên-đạt nhĩ ti) làm ra. Ông Thuận đức Lý-siêu Nhất người Tàu dịch ra chữ Nho.

Bác sĩ Saunders từng làm chức Giảng-sư về khoa tông-giáo chuyên-môn trường Đại-học Ca-nhĩ-phúc-ni-á nước Mỹ. Bác-sĩ nghiên-cứu về Phật-học đã dư 19 năm, từng tham-dự vào Hội nghiên-cứu Tông-giáo Ấn-độ. Bác-sĩ với nhà Phật-học có tiếng ở Nga là Ưc điền bảo (Oldenberg) cùng làm chung việc nghiên cứu và cùng du lịch cõi Đông Á. Bác-sĩ đi từ Tích lan đến Nhật bản, qua thăm cả các nơi danh thắng. Có thân đến khảo sát cả phái Hoàng-giáo ở Tây tạng.

Bác-sĩ thường tôn thờ nhà học giả Tích lan là Wagniswara làm thầy và kết bạn thân với nhà Phật-học Nhật-bản là Bác sĩ tỉ-kỳ chính trị (M. Aneasaki). Bác sĩ có làm được vài thứ sách về Phật-học. Bộ sách " Các thời đại về Phật giáo sử - Epochsin Buddhist History do trường Thi-gia-cốc Đại học nước Mỹ xuất bản năm

1924, trong sách nói về những trạng huống phát đạt của các thời đại Phật giáo. Thuật đủ từ Ấn độ, Diên-diệp, Siêm-la, Trung quốc cho đến Cao ly, Nhật-bản, Tây-tạng và Ny-hạc-nhĩ. Mỗi xứ đứng về một thiên. Bài này là thiên nói về Phật-giáo Trung-quốc.

Trong nguyên thư, bài tự tự, ông nói 12 năm nay, ông nghiên cứu về Phật học, có sở đắc mấy điều quan niệm như sau này.

1 — Cái cơ sở về tư tưởng thuộc học lý của họ Cồ-đàm lập nên, thực thiết dụng cho đời này. Vả họ Cồ-đàm lập ra « Thuyết nhân duyên » và cái quan niệm « vũ trụ thống nhất », những lý thuyết lập luận ấy, nếu không phải do Người tự sáng-lập nên, thì cũng là có công phát minh ra. Đó thực là một cái thành công rất lớn trên lịch sử tư tưởng của nhân loại.

2 — Phán đoán về sự chế tài của vũ trụ họ Cồ-đàm lấy đức-tính làm chốn quy y và luận về cái nhân quả nghiệp báo thiện ác không sai, lại càng đáng quý lắm.

3 — Những lý luận về tâm lý ở đời nay, đều như là những nghĩa đã dự nghĩ ra từ hơn 2000 năm trước, đó lại càng khiến cho người ta phải kính-bộ lắm và càng phải lưu tâm nghiên cứu một cách rất thâm thiết.

4 — Những cái thế lực của lời nói việc làm của họ Cồ-đàm đến nay vẫn chưa suy kém, vẫn còn đủ cung cho sự yêu cầu mật thiết của người Á-châu.

5 — Trong Phật-giáo tuy có những điều tạp nhạp của người đời sau thêm vào và những thói bại hoại của lúc suy vi, nhưng vẫn còn có nhiều giáo nghĩa đủ dạy bảo cho người Tây-dương.

Coi mấy điều Bác-sĩ Saunders rãi bày trên ấy, ta biết ông đã thâm phục và thấu hiểu Phật pháp lắm. Tuy trong bài này, Tác sĩ luận về Phật pháp bên Tàu có vài chỗ người Tàu chưa chịu là thiết đáng có. Song lấy cái tâm lý một người Mỹ quan sát về tông giáo Trung-quốc như

thế, kẻ con mắt cũng đã là sáng suốt lắm, đang giúp cho sự Phật-học của ta nhiều. Ấy cái ý kiến của ông Lý siêu Nhất cũng vì thế mà dịch bài này ra nho, chúng tôi cũng vì ý kiến giống như thế mà dịch lại ra quốc-văn để cung các ngài đang cần nghiên cứu về Phật-học ngày nay.

Thuật đến đây chúng tôi không khỏi ân hận và hổ thẹn thay cho nền học thuật Việt-nam, cũng đồng thời thâu thối Phật học với Tàu mấy nghìn năm truyền thụ như sách **Thiền uyển tập anh** đã nói các vị cổ đức tâm đắc và diễn giáo về Thiền tông thực không còn thẹn với các cổ đức Trung quốc, Nhật bản. Có đôi lúc Trung-quốc còn phải rầu đến Phật pháp của nước này, sử còn ghi đó. Thế mà ngày nay không còn một chút dấu vết công phu học vấn gì đáng cho học giả Thái tây cần Phật-pháp đếm sía và đề ý đến. Đó cũng là bởi cái cơ người mình hay rầu thối không biết trân trọng bảo tồn mà cũng bởi cả cái cơ nước nhỏ bị Tàu hay tràn-lấn. Từ như lúc nhà Minh sang xâm chiếm, thu cả sách vở nhà Nho nhà Phật của người mình trước tác ra, nên chỉ đến cả văn hóa ta cũng không giữ lại được. Tiếc thay.

I — SỰ TIẾP-SÚC CỦA TAM GIÁO

Đương cái khi họ Cồ-đàm (Gotama) thuyết pháp ở bờ cõi sông Hằng-hà, thì ở nước Chấn-đán cổ quốc này cũng có hai nhà hiền-triết là họ Khổng và họ Lão cũng đem giáo lý của mình phụ vào với cái chủ-nghĩa tự nhiên của đời xưa lưu truyền lại mà tuyên dương ra cho đời.

Ví như cách tiếp cây kia, cái gốc cây tông-giáo Trung-quốc vừa mới chấn chỉnh lại xong thì gặp ngay cái cành mới tông-giáo của các nước Thiên-trúc cũng vừa mới biến đổi chủ nghĩa tiền-thặng độc thiện ra làm chủ-nghĩa đại-thặng kiêm thiện. Cành mới ấy đưa sang Trung quốc cùng với gốc cũ mà tiếp thành ra cái cây mới. Vì thế trong lịch-sử Phật - giáo ở Trung-quốc còn để lại

nhieu cái dấu vết thú vị lắm. Nay tóm lại lược chia ra mấy thời kỳ như sau này :

a) Trước Tây lịch 6 thế-kỷ (vào thời các vua Linh-vương, Cảnh-vương và Kinh-vương nhà Châu Trung-quốc, ở Thiên-trúc có đức Thích-ca, ở Trung-quốc có đức Khổng-tử, cách lập giáo hai nhà khác nhau mà chỗ căn bản đạo đức có nhiều điểm giống nhau. Lại đức Thích-ca ở Thiên-trúc với đức Lão-tử ở Trung-quốc đều đưa người ta lên con đường giác ngộ cả. Họ Thích gọi là « Đạt-ma pháp », họ Lão gọi là « Đạo », cùng đời có cái tính cách thần bí cả.

b) Từ đây về sau, giáo lý hai phương, ngày càng phát đạt. Bên nào cũng đều đem tinh tinh điều hòa thêm vào trong sự tin-ngưỡng vốn có của mình, khiến cho tư-tưởng của loài người ngày càng tiến tới và thích hợp. Trong cái chỗ thúc dục người đời về đức hạnh đều có thêm đời cái vẻ đẹp để về thần bí.

c) Từ trước Tây-lịch hai thế-kỷ đến sau Tây-lịch hai thế-kỷ, trong khoảng 400 năm, cái cảnh giáo-lý mới của hai bên tiếp với cái gốc tin-ngưỡng đời thượng cổ của Tàu mà hóa dần thành một cây.

d) Từ đó cái cảnh mới của Thiên-trúc với cái gốc cũ của Trung-quốc, thành cái cơ tiếp hợp rồi cùng giảng hòa lẫn với nhau.

Trong mấy thời-kỷ ấy, giáo nghĩa hai bên điều hợp với nhau phải qua một quãng đời lâu lắm. Như trên ấy ví với cách tiếp cây cũng còn là gián đoạn. Phải ví với cái hoa thụ thai của giống hoa khác thì mới đúng hơn. Câu ví sau đó là đủ lược thấy những dấu vết lịch-sử Phật giáo truyền vào Trung-quốc vậy.

Sự hòa hợp của Tam-giáo như trên đã nói, cho nên đến thế-kỷ thứ 6 (hồi Nam, Bắc triều) trong bi ký Phật-giáo đã thấy chép đến những Nho, Đạo và thần linh theo vào với Phật. Bấy giờ có ông Phó Hấp 傅翕 (Phó

Đại-sĩ), dầu đội mũ màu vàng, mình mặc áo ca-xa, chân đi ủng nhà Nho vào dự tiếp nhà vua. (Tức Lương Vĩ-đế). Cứ ngẫm xem bộ pháp phục giày mũ ấy đủ thấy cái biểu hiệu Tam-giáo tín ngưỡng.

Cái cách biết nghiên cứu mà so sánh tông giáo như thế, người Tây dương chúng ta còn trậm hơn người Đông-phương đến gần 2000 năm, nói ra thêm buồn. Đến thế kỷ thứ 9 (Khoảng Đức tông Triều-tông nhà Đường), ông Khuê-phong Mật-tông « 圭峯密宗 » lại làm ra sách « Hoa nghiêm nguyên nhân luận 華嚴原人論 » phê bình về Tam - giáo mà có đôi điều hòa hợp. Nay nếu ta đem Tam giáo ấy mà hỏi người Trung-quốc theo hên nào bỏ hên nào, thì thường người ta không giả lời - rằng chủ về một bên. Phải biết cái chỗ kiến thức ấy không phải là người ta vốn không có kén chọn gì mà nói hàm hồ đâu. Vì rằng đời đến bây giờ cũng vẫn không có thể căn cứ vào luận lý nhà Nho mà trừ bỏ cái tông-giáo có triết lý của nhà Phật được. Còn như nhà Đạo thì lại càng có duyên tương hợp với nhà Phật. (Còn nữa)

Trung-dịch :

D. N. T.

CÔNG ĐỨC THUYỀN-HỌC

CỦA HỘI PHẬT-GIÁO BẮC-KỲ

Theo như biên bản ký hội-đồng ban Đạo.sư ngày 26 tháng 10 năm Đinh-sửu, đến đầu năm Mậu-dần này, hội có mở thêm một lớp học gọi là Tốc thành sư phạm, hạn học là ba năm, song vì các chư tăng trung tọa sin vào học ít quá, mà việc làm chùa Hội-quán rất cần kíp, nên hội phải hoãn lớp sư-phạm ấy lại một thời gian ít lâu.

Mục-dịch mở ra lớp học sư-phạm này có hai ý nghĩa sau đây:

1. Một là hiện nay các tỉnh Thượng-du phần nhiều nhân dân toàn tông Phật-giáo cả, nhưng ngặt vì rất ít các cụ chư tăng trụ trì ở các chùa mạn ấy, nay các dân mạn ấy nghe biết hội Bắc-kỳ Phật-giáo là một hội quang minh chính đại, bình đẳng bác-ái, một hội Phật-giáo mà lại bảo tồn được cả nho-giáo, bảo tồn được cả nền luân-lý nước nhà, có khắp mặt các quan tày nam ngoại-hộ, các dân đều đờ sờ về Hội-quán Trung - ương nơi thời xin dựng hội, nơi thời xin cúng chùa, nơi thời xin bổ các vị đạo sư lên dạy học và truyền giáo, hội cần có các vị tăng ni hoàn toàn có đủ tư-cách đề ứng dụng mọi việc nói trên, nên phải mở thêm lớp học Túc thành sư phạm.

2. Hai là Hội muốn lần lượt đem tam tạng Phật giáo dịch ra quốc văn cho tín đồ dễ hiểu nên cần có một ban học chuyên môn, Hội muốn có những vị cao tăng hiểu nhiều giáo-lý, có tài ngôn luận, đủ cách ngoại giao để đi truyền giáo diễn giảng, muốn cho các chư tăng thông thạo cả pháp luật hiện hành của quốc gia, để biết lối bênh vực tín đồ, muốn cho sau này mỗi chùa có một trường học, các vị tăng ni trụ trì sẽ kiêm chức đốc giáo để giậy bảo các trẻ em trong làng, nói tóm lại hội muốn thực hành chủ nghĩa từ bi phổ độ của đức Như lai nên mở ra lớp học túc thành sư phạm, mong rằng các chư tăng thanh niên trong toàn kỳ hiểu thấu cho, và xin thành tâm khuyến thỉnh các vị lưu tâm đến Tôn giáo vật

bỏ chỗ tư nghĩ đến chỗ công, đề tiếp dẫn hậu còn báo Phật án đức, nếu từ nay đến hết khóa hạ này các vị gửi đơn vào học được độ 20 vị giờ lên thời lớp học ấy sẽ mở tại chùa Bồ-đề.

Ban Đạo-sư hội Phật giáo Bắc kỳ

Cần khẩn

Được mục-kích người Âu, Mỹ

ĐỐI VỚI ĐẠO PHẬT

Tôi tuân nhờ ban khảo-cửu tuyên bố ở báo Duốc-tuệ số 82 của hội Phật-giáo Bắc-kỳ và giấy triệu thỉnh của ban Trị-sự Trung-ương, chiều hôm 15 tháng sáu ta tức là ngày 12 Juillet, tôi lên Hanoi nhận việc diễn giảng vào lúc 8 giờ tối hôm ấy.

Đúng với các riao-hữu đến đông đủ, tôi lên diễn đàn. Trono khi tôi đang diễn giảng, nhác trông ra thấy ba vị quý khách người Âu đến dự thỉnh rất là nghiêm chỉnh.

Khi giảng xong, tôi lui ra tầng xá, ngồi cùng mấy vị giáo hữu đàm đạo giáo-lý, thì thấy một vị giáo hữu là Trần văn-Giáp tiên-sinh, làm việc ở viện Bác-cổ, tiếp dẫn ba vị quý khách tới chào sư cụ giám tự và giới thiệu với các vị tại tọa cùng tôi biết rằng ba vị quý-khách là người Âu, Mỹ đều có Phật-học, nghe nói ở ta đây có hội Phật-giáo, nên các vị tìm đến thăm xem chùa hội quán ta và có nhờ trưởng Bác-cổ đưa đi xem các nơi danh lam Hà-thành.

Tiền đây. Trần tiên-sinh rủ tôi đến sáng mai cùng đi chơi với các vị ấy một thể. Tôi lấy làm được một dịp may để mục kích người Âu, Mỹ đối với Phật ra sao, nên nhận nhờ.

Đúng bây giờ sáng hôm sau, tôi đến viện Bác-cổ, thì

ba vị quý khách cùng đến đúng giờ đã ấn định. Trần tiên sinh lại giới thiệu tới một lần nữa cho ba vị biết đó đây là diễn giả ở hội Phật-giáo tối hôm qua. Ba vị ấy tay bắt mặt mừng, hình như tổ tình đờng đạo. Khi đứng chờ xe điện, mỗi vị đưa cho tôi một cái danh thiếp in bằng chữ Hán.

Vị thứ nhất là Bồ-lạc-Đạo 蒲樂道 (John Blofeld) người nước Anh, đỗ triết học bác-sĩ ở trường Đại-học Kim kiều, hiện làm giáo thụ ở lớp công học viện Thiên-tân ở Hà bắc nước Tàu; vị thứ nhì là Lý hoa-Đức 李華德 (Dr Liehenthal) người nước Đức, đỗ triết-học bác-sĩ trường đại học Bá-linh, làm giáo sư trường đại học Hà-nam nước Tàu; vị thứ ba là Cao-đức-Hoa 高德華 (Edward vose Gulick) người nước Mỹ làm giáo viên dạy Anh văn ở trường Trung học hiệu Nhã Lễ ở Trường-sa nước Tàu. Xem qua các danh thiếp xong, Trần tiên-sinh liền đưa cho tôi xem bức thư bằng chữ Hán của một người Tàu tên là Diệp-tau Nguyễn giới thiệu Bồ-lạc-Đạo tiên sinh với Trần tiên-sinh. Trong thư đại ý nói Bồ-lạc-Đạo tiên-sinh này là người biết Hoa văn và lại chăm nghiên cứu về Phật-học.

Khi xe điện đến, chúng tôi cùng nhau lên xe, đến xem quán Trấn võ, chùa Trấn-bắc, rồi lại trở về thăm chùa Liên-phái. Đi đến đâu, ba vị ấy cùng quan sát tường lặn và tỏ ra vẻ kinh cấn lắm Nhất là Bồ-lạc-Đạo tiên sinh mỗi khi đến trước Phật đài ở các chùa liền giải khăn tay xuống để lót tay làm lễ, khi lễ cũng chấp tay vái và gục đầu lặn đất như các tăng ni làm lễ. Trong khi lễ, miệng lầm bầm tụng. Tôi nhớ lúc vào thăm chùa Trấn-bắc, hề đến trước một vị tượng nào là Bồ-lạc-Đạo tiên sinh đều chấp tay vái cấn thận và miệng đọc danh hiệu vị Phật hay Bồ-tát ấy bằng tiếng Phạn, tiếng tuy lơ lơ, nhưng nghe cũng có thể hiểu được đôi chút. Trần tiên-sinh nói với tôi rằng chiều hôm qua tôi đưa đi xem chùa Bà-đá, Bồ-lạc-Đạo tiên-sinh cũng

đều kinh cần và tương tất như thể cả. Xem thể thì rõ tiên sinh học Phật rất là tinh tế và mô Phật bằng một cách thành thực. Bồ-lạc-Đạo kinh như lại thấu hiểu phép thuyết định nữa hay sao. Lúc ở chùa Liên Phái, khi bài yết sư lễ, có ngõ lời hỏi Trần tiên-sinh ở chùa đây có chỗ để thuyết-định không? Thì tôi sợ nỡ ra khi ở quanh Trấn-võ thấy Bồ-lạc-Đạo liên-sinh ọc xuống trước thiên tượng một hồi lâu ước độ 5 phút, thì có nữa trong lúc ấy, tiên sinh làm phép thuyết định chẳng. Xem đó lại càng rõ sự học Phật và mô Phật của tiên-sinh.

Khi trở về trường Bác cổ, từ biệt Trần tiên-sinh và ba vị quý khách ấy, tôi có cảm tưởng vô cùng

Đan thần : Phạm tài-Luyện

(Thái-bình)

Câu truyện vàng mã

Do ông Phạm-văn Phụng, hội viên diễn hôm rằm tháng chín năm Đinh sửu (18 10 37) tại chùa Văn (Haiphong)

Nam mô A-di-dà Phật,

Thưa liệt-vị thánh-giả,

Thưa các giáo hữu.

Về giáo lý của đạo Phật, từ trước đến giờ, ta đã được các vị đại đức danh nho, thuyết minh cho nghe nhiều lần rồi. Điều cốt yếu mà ta nhận thấy là khuyên người đời chớ phạm vào ba giới tham, sân và sy.

Nay tôi xin nói truyện đề cóc ngài nghe về một cái lỗi thuộc về giới sy, có nhẽ phần nhiều tin-dồ đạo Phật chúng ta hằng ngày còn phạm, mà ta không biết, hoặc biết mà ta không chịu sửa đổi. Không những không chịu sửa đổi, mà đã có ai nói đến, ta lại chớ người ấy là đồ vô đạo, tìm đường chẽ-diều, báng bở ta nữa.

Tôi nói cái lỗi này thuộc về sy, vì sy nghĩa là sy-ngốc, thế mà ta làm một việc. ta không chịu suy xét xem có hợp lý hay không, ta chỉ biết người làm thế thì ta cũng làm thế, trước làm thế thì sau ta lại cứ thế ta làm, thế có phải là sy ngốc hay không? Hoặc giả ta cũng hiểu biết thế là vô lý đấy, nhưng cũng cứ việc làm, thì thiết tưởng ta cũng không thể tự hào là ta khôn ngoan được.

Nhưng trước khi vào đề, hầu truyện các ngài, tôi hãy xin các ngài nhớ cho rằng tôi là một tía-đồ đạo Phật cả trăm phần trăm, mà quả là đạo gốc kia đấy. Chỉ vì muốn cho đạo Phật ngày một xương minh, khỏi bị những cái tà-thuyết nó ám ảnh mà đánh bạo nói câu truyện này. Vả cái lỗi mà tôi cho là thuộc về giới sy đấy, cả người ta lẫn tôi hiện cùng phạm, tôi không dám tự phụ là riêng tôi, tôi đã tránh được rồi, mà đem điều chỉ-trích người khác đâu.

Câu truyện tôi muốn nói hầu các ngài hôm nay đây là truyện Vàng-mã.

Ta thường dùng đề lễ bái các đấng thần-minh hay là cúng cấp tổ tiên đã quá vãng. Vậy những thứ ấy ví có là vật cần thiết cho trên Thiên - đình hay dưới Âm-phủ chông nữa, mà ta làm một cách man trá như thế thì thiết tưởng cũng thành vô dụng mà thôi. Kia những thoi vàng còn tro cả nan nửa hay dán bằng giấy nhật-trinh, nọ những voi, ngựa, thừ lật dưới bụng lên xem, hãy còn nguyên lỗ mắt cáo. Đấy thuyền lại này 4 chân, vô ngựa lại không đôi gối, thì phỏng còn đi sao được?

Chắc có người nói: Ta chỉ biết thành tâm sắm đồ lễ thoi, còn sự man trá thì kẻ làm ra phải chịu tội. Vậy xin hỏi như ta nay có đứa con, cháu ở xa, gửi về biếu, ta cái áo, hay đồng bạc, Cái áo ấy là áo lụa nhưng vật lay lại bằng vải, lại thủng rạt năm bảy chỗ; đồng bạc thì rách mất cả số, thì phỏng ta trách đứa con, cháu ta không, hay ta chỉ trách người bán, người may cái áo ấy hay nhà ngân hàng đã tạo thành cái giấy bạc ấy mà thôi?

Thời thì không kể chi lỗi ở người mua hay kẻ bán áo nữa, chỉ biết cái áo may không cân đề ý đến dáng xúng hay không xúng với người mặc, hoặc rộng quá, hoặc chật quá, dài lè-thé hay ngắn cũn-cũn cũng được thì dầu con, cháu ta có biểu ta đến trăm, nghìn cái áo như thế cũng là phí tiền toi cho nó, mà nếu ta chỉ trông vào những quần áo ấy mới có cái che thân, thì ta cũng vẫn đànb là ở trần mãi.

Không biết người ta căn-cứ vào đâu mà hễ lẽ đức thành này thì dùng toán hải với nón, lẽ ông thần nọ lại dùng toán mũ với ngựa. Vậy thì hải, nón, mũ, ngựa không biết chắt đâu cho xuê, đến như quần áo cùng trăm, nghìn thứ thiết dụng khác thì lấy vào đâu ?

Lại còn nỗi người sửa lẽ, sẵn tiền ra thì sắm con ngựa to bằng con la thật, cái mũ nhơn bằng cái bô, còn người không sẵn thì mua con ngựa nhỏ như con mèo, cái mũ chỉ bằng cái bát, chứ không đề ý đến người cưỡi con ngựa ấy, đội cái mũ ấy là người nhơn hay bé, thế có nực cười không ?

Có người bảo cúng vị thần minh nào mà phải dùng lễ vật gì, là do ở sách khoa cúng mà ra, vậy xin hỏi sách khoa cúng ấy bởi người nào viết ra, người ấy đã căn-cứ vào đâu mà viết thành quyền sách ấy ? Vì dù nay có một người có tài viết được, cũng bày-đặt ra quyền khoa cúng khác thì có ai ngăn-cấm hay không ?

Ta thường thấy ở những đám đốt mã, ngoài những cửa nhà, đồ ăn, thức đựng ra, lại có cả súc vật nhá nuôi cho chi bằng nhỏ, con sen nữa. Họ bảo nhau khoan tai, khoan miệng những người hình nhân ấy, cho khi xuống dưới Âm khỏi thành ra người câm, người 'điếc' ? Nhưng lạ thay về sự thiếu lười, thiếu răng, thiếu cả lục phủ, ngũ tạng thì không thấy ai quan tâm đến cho những bộ máy hô-hấp, tuần-hoàn và tiêu hóa của những người tôi-đòi mới mộ ấy cả ?

Điều này mới là điều đáng lấy làm lạ lắm nữa : Ta

đốt, ngôi nhà để lấy chỗ ở, cái tráp để đựng trầu ăn, cái thuyền để đi đường thủy, con ngựa để cưỡi đường bộ, con sen, thặng nhỏ để lấy người sai bảo công nợ, việc kia, thế đã đánh, nhưng trong một đám đàn cầu mát, ta lại đốt cả binh ông Chiêu-thiện, bà La-sát, các vị Nani-tào, Bắc-đâu, các vị chúa Ông, mà tự cõ dĩ lại biết bao nhiêu là đàn cầu mát, nếu cứ theo cái thuyết Dương-gian đốt một người giấy sẽ thành ra một người thật ở cõi Âm, thì ra tự trước đến giờ ta đã vô tình mà tặng cái số các vị thần thánh kể trên lên đến mấy ức, mấy triệu kia rồi ?

Lại còn sự mâu thuẫn này nữa. Khi ta đốt vàng mã, ta có ý đốt cháy cho hết, kéo sợ sót nữa thành ra vật bất cụ mất, nghĩa là ta cho vàng mã có cháy ra tro mới có thể thành ra vật hữu dụng ở cõi Âm được, vậy sao trong lúc đưa đám tang, ta lại rắc vàng ra dọc đường chứ nào ta có đốt ra tro đâu ?

Tiện đây xin nói về sự rắc vàng ra rọc đường, có người nói là để vong-liuh nhận biết đường về. Thế ngày hôm ấy có nhiều đám-ma, đám thi ở phía đông đưa đến, đám thi ở phía tây đưa đến nghĩa-trang mà đường đi đều có rắc vàng cả, thì vong-liuh biết đi ngã nào cho khỏi nhầm ?

Theo tục cũ, người ta vẫn thả hồn-bạch, bảy giờ thì đã có ảnh là những thứ để cho vong-linh y-ỷ, lúc đám đưa ra đồng hồn-bạch hay ảnh vẫn để trong võng-vong, lúc trở về lại rước về, thế thì việc gì vong-linh còn phải tự tìm lấy đường về nữa mà sợ nhầm đường ? Và có phải để đánh dấu đường thì sao người ta chẳng dùng thứ khác, như là vôi, mực vắn vắn... chẳng tiện hơn ư, mà sao lại nỡ dùng vàng bạc là vật quý giá rắc ra đường để đánh dấu như thế ?

-- Lại có người nói rắc vàng ra đường là để cho những ma quỷ bám ở quan tài thấy vàng nhẩy xuống cướp, thế thì nệ cho những người khiêng. Thế ngộ cái quan-tài có 10 người

kiêng nay ta cho 12 hay 15 người vào kiêng mà ta không rắc một thỏi vàng nào. thì puồng cái quan-tài ấy có vẫn nặng không? Hay là đang mười người kiêng mà ta bớt hẳn đi 5, 6 người rồi ta rắc rõ thật nhiều vàng, thì liệu cái quan-tài ấy có trở nên nhẹ không? Và nếu ma quỷ cướp được những vàng ta vất ra đường thì cũng có thể cướp những vàng của người ta bày hàng để bán, thế những vàng ta mua về cúng chưa chắc đã khỏi ma-quỷ cướp từ trước khi ta mua kia rồi bay sao?

Thưa các Ngài,

Trở lên ta tôi lược mấy điều để các ngài xét cho xem sự đốt vàng mã như thế có hợp lý không?

Nay xin nói đến cái nguyên nhân sự đốt vàng mã: Sự đốt vàng mã không biết khởi thủy từ đời nào, do ai bày đặt ra? Nhưng cứ theo thiển kiến tôi, thì dân Á Đông mình về cổ thời vốn hỗn-hậu, chắt-phác, chỉ chú trọng về cái lạc thú gia-dình. Cha, con, vợ chồng sum-hợp quây quần với nhau, rất là mật thiết. Khi chẳng may, có người trong nhà mất đi, thì những người sống vì lòng thương - cảm quá, bèn nghĩ rằng ngày hôm trước đây cha ta, hay mẹ ta còn cùng ăn, cùng uống với ta, ta còn hầu-hạ bêu mình ngài, nay thì không biết ăn vào đâu, ở vào đâu, lấy ai là người săn-sóc? Thế rồi ngày ngày thương-tiếc, nhất là mỗi khi đến bữa ăn. Nên khi ăn cũng xới lưng cơm để cùng người đã qua đời.

Lại xót người quá-cổ lấy quần áo dẫu mà mặc, lấy đồ-đạc dẫu mà dùng, thế rồi gặp khi giỗ, ngày tết, bèn lấy quần áo thật, lụa, vải thật mà đốt đi để biểu. Hiện nay lễ Nam-giao hãy còn dùng ngọc, dùng gốm, vóc làm lễ tế Trời, việc ấy có thể chứng thực được. Sau hẳn có bậc trí-giá nào đó muốn cứu vãn cái bại phi của ấy, mới bày ra sự dùng quần áo giấy vào quần áo thật để cúng người Âm. Kể cũng đã là một diệu kế.

Nhưng nào ngờ duỗi cạp ra cửa trước, lại rước lang vào cửa sau, cái hại dùng đồ giảy ngày nay để cũng chả kém gì cái hai cúng bằng đồ thật ngày thái cổ. Vì nhẽ tất nhiên, cái gì đã có người cầu thì khác có người cúng. Rồi người cung mua cho được nhiều lợi, hết sức làm cho những đồ đồ cúng ngày một thêm khéo-léo, cho đồ đã giống hết đồ thật để bán lấy nhiều tiền. Lại chế ra các thứ đúng với thời trang, xe đạp, xe tay, ô-tô, nhà gác, không thiếu thứ gì. Người bày ra cách lấy đồ mã thay cho đồ thật có ngờ đâu ngày nay đến thế?

Trong bọn người cung lại có kẻ bày ra những chuyện hoang-đường để vu hoặc lòng người cho để kiếm lợi. Tức như trong sách Tục-Ngôn Cảnh-giáo còn ghi: Về đời nhà Tùy bên Tàu có anh hàng mã tên gọi Vương-Luân muốn cho khỏi nạn ế hàng, bèn thông đồng với một người bạn, bày mưu lập kế, rồi dả cách chết, kỳ thực mấy hôm đầu ẩn kín một nơi, rồi sau bí-mật, chui vào quan-tài còn quản trong nhà, để cho người bạn đốt vàng mã cạnh bàn thờ và trước mặt kẻ xa, người gần đến phúng-viếng mà khấn-khứa. Đến sau thấy động trong quan-tài, mở nắp ra thì anh hàng mã ta liền nhồm dậy căm ơn bạn và nói nhờ có vàng mã đốt cho ấy, anh ta mới có thức dùng làm đồ lễ nơi kia, chốn nọ, mà mới được tái hồi dương-gian.

Khen thay cách đánh lừa như thế mà thiên hạ cũng mắc. Dám hỏi từ sau anh Vương-Luân đã biết cơ man nào là người đốt vàng mã, thế đã có ai nhờ về cái vàng mã đốt đi ấy mà cải tử hoàn sinh cho một người thân thuộc mình như anh Vương-Luân chưa? Sao họ chả hiểu rằng đã gọi là thần minh là những bực chi công, chí chính, chứ có tham những như người trần ta đâu mà hồng tốt lẽ dễ van? Kia đức Khổng-tử đã giảng « Hoạch tội vu thiên, vô sở đảo dã ». Nghĩa là: Đã phái tội với Trời, thì không còn có thể kêu-van cầu-đảo được nữa.

Không những chỉ ở bên Tàu mới có truyện bầy dặt thế đầu, tôi còn nhớ khi nhỏ được nghe mấy người họ kể với nhau câu truyện huyền hoặc sau này : Có một vị quan lớn ở một tỉnh kia, không phải là tín-đồ đạo Phật, nhưng có tính tò mò, một hôm đánh đồng thiếp xuống thăm cha mẹ thì thấy cha mẹ ăn mặc rách rưới, tiền tụy lăm, còn những người khác thì đều ăn ăn mặc lành lặn, sang trọng cả, hỏi ra mới biết những người kia có con cháu đốt quần áo giấy cho nên mới được thế. Mấy hôm sau ông bên mua rất nhiều đồ mà đốt chò cha mẹ ông. rồi ông lại đánh đồng thiếp xuống xem lần nữa, thì lần này ông được thấy cha mẹ ông cũng ăn mặc tốt đẹp như những người khác. Tự bấy giờ vị quan ấy lại trở về theo đạo Phật.

Ấy câu truyện vu khống như thế mà mấy người nghe bấy giờ hình như đều lấy làm phục cả. Họ không chịu xét rằng truyện đồng thiếp lại là một câu truyện hoang đường nữa. Mà ví dù có người đánh đồng thiếp như thế, chẳng qua cũng vì người ấy đã bị một họa nào đó làm vu hoặc bằng thuật thôi miên đấy thôi.

Chứ sự đốt vàng mã có phải là bản lĩnh của Phật-giáo đâu ? Chẳng qua chỉ là một dị đoan mà người ta đã làm lẫn lộn vào đấy. Ngoài nước ta và nước Tàu ra, trong hoàn cầu còn biết bao nhiêu là nước theo đạo Phật, nhất là tại nước Ấn-độ là nơi Phật tổ giáng sinh, người ta có dùng đồ mã bao giờ.

Hãy nói chúng ta đều là tín-đồ nhà Phật cả, thì chúng ta hẳn đều tin nhẽ Phật giẫy về nghiệp Luân-đời. Theo nhẽ ấy thì phàm hễ người ta khi lìa cõi xác, xét ra : 1. đã tu nhân tích đức lâu đời thì được lên cõi Nát-bàn, về nơi Cực-lạc ; 2. đã có làm thiện nghiệp, công đức chưa được đầy thì lại được đầu thai lên làm người được thế ; 3. có tội thì phải chịu các thứ như : ni-ên, đời khổ đọa làm các kiếp cầm, thú

Vậy thì trong 3 trường-hợp ấy, người đã bác đi tất phải chiếm lấy một, thế thì nhẽ nào còn chờ đợi ở đâu để háng năm lấy quần áo của người tuân đối chờ mà mặc nữa? Và ta đã biết không thể lấy cá, thjt mà nuôi ngựa, nuôi voi, lấy rơm, cỏ mà nuôi chim, nuôi còp, thì sao ta lại lấy cơm, áo là những vật chỉ để nuôi thế xác mà đem nuôi thân-hồn?

Thưa các ngài,

Trên đây tôi vừa kể cái tình cách mấy người cung, chỉ muốn cầu lợi mà bày ra những thuyết hoang-đường. Còn trong số người cầu, danh rằng ai ai cũng có cái mục-dịch cung cấp vật cần dùng cho hõn Âm-phủ nên mua sắm đồ mã mà đốt, nhưng cũng không khỏi có người ngoài cái mục-dịch ấy ra, lại còn cái mục-dịch khoe giàu, khoe sang với người dương-thế nữa. Họ bày ra chỉ cốt để lấy tiếng khen.

Hãy nói trong một nhà kia bày toàn đồ dả, nào là sập gụ, tủ chè, ô-lô, xe kéo, không thiếu thứ gì. Trước cửa xúm xít những người qua lại dừng chân ngắm nghía. Trong bọn đứng xem, ai cũng tấm tắc khen: Người này nói thứ nọ giống như thật, thứ kia làm khéo tay. Kẻ khác nói giá cái nọ đến ngót trăm, vật kia đến mấy chục. Nghe những câu tán-dương ấy, người có đồ vàng mã hình như có vẻ hả lòng, chứ nào có biết đâu những người lên tiếng khen ấy toàn thị những người vì cảnh ngộ không được liệt vào hàng có học, và ngoài bọn họ ra, lại có người học thức trông thấy chỉ mỉm cười mà rảo đi chân. Cái mỉm cười ấy lại ngụ ý chê là khờ, chứ không khen là sâu của.

Chúng tôi biết tưởng ta làm một việc ở đời, thường cũng có người khen mà cũng có người chê, nhưng cốt phải biết cái khen hay cái chê ấy do ở người thế nào nói ra mới là có - giá-trị chứ.

Có người nói : Hiện nay biết bao nhiêu người sống về nghề làm mã, nếu nhất đán không ai dùng vòng mã nữa, thì những người ấy sẽ sống bằng nghề nghiệp gì cho được ? Cái lòng từ-bi, lân-mẫn ấy thực là quý hóa vô cùng, nhưng tiếc thay, sao các ngài chả thương đến nhiều nghề khác còn có ích hơn là nghề làm mã, xưa kia thịnh đạt biết bao, mà bây giờ nghề thì bị tiêu diệt hẳn rồi, nghề thì sống một cách lao đao, vất vưởng, tức như nghề làm tráp chữ nhật, nghề làm thao nón ba tầm, nghề làm bút lông mực thối, nghề làm kim, làm chỉ của ta, cho chi cả nghề dệt vải ta nữa.

Đời bây giờ là thời buổi cạnh tranh, mạnh được, yếu thua, khôn sống, mớng chết, nghề gì không thích hợp nữa tất phải đào thải, dẫu các ngài có lòng nhân hậu thương đến cũng không sao được. Tuy nhiên, mất những nghề này, ta lại được thêm những nghề khác, như nghề làm va-li (Valises), nghề làm máy-móc, nghề cầm lái ô-tô, nghề sén tóc v. v. là những nghề xưa kia không có, thì tưởng ta cũng không đáng phàn nàn. Hễ cách sinh nhai của nghề nọ có bề eo-hẹp thì người ta khắc tìm lấy nghề khác cho dễ làm chứ có lo gì.

Người ta thường nói : « Đời nào kỹ cương ấy ». Câu nói nôm na thật, nhưng tôi thiết tưởng so vào trường hợp nào cũng đúng. Nhiều việc ngày xưa là phải mà nay là trái ; vì trình độ học vấn dân ta ngày xưa còn thấp kém, đường kiến văn chưa được rộng ra, thì việc gì cũng gặp sao nên vậy được, ngày nay việc học đã phổ thông, đàn ông, đàn bà phần nhiều đều biết đọc, biết viết cả, thì những điều vô lý không thể đứng vững được nữa. Tức như ngày xưa đi đâu thì thấy đi trước, tở, điếu, tráp theo sau, đàn bà thì nón thúng quai thao, dép cong, yếm thắm, những cái lối ấy ngày nay còn đâu ?

Ngày xưa cách sinh hoạt còn đơn giản, chứ đời này là thời buổi phức-tạp, ta không thể đem cày, đem vồng ra mà đọ với xe điện, ô-tô.

Đến cả sự tu hành, ngày xưa là để hưởng cuộc an nhàn, xa lánh cõi tục, nhưng ngày nay phần lớn phải dìm dặt chúng-sinh vào con đường chính tín, và phải chuyên bặt vào những việc cứu khổ, cứu nạn, có ích cho sinh dân.

Đồng tiền ngày xưa, bởi sự sinh hoạt còn giản dị, nên chỉ dùng vào những việc nhật dụng trong gia đình mà thôi; đồng tiền ngày nay, ngoài sự cung dưỡng chốn gia-đình, giao hảo với bè bạn ra, ta còn phải dùng vào biết bao nhiêu công việc mà ngày xưa không có, hoặc có nhưng cũng chẳng là bao, thí dụ như việc đóng sưu thuế, việc cho con cái đi học xa để cho thành tài đạt đức, việc xem nhật trình tạp-chí cho rộng đường kiến văn, cùng là các việc thực tế trong xã-hội ngay như việc cứu-giúp nạn dân bị lụt vừa rồi, vậy ta còn dư tiền đâu mà đem sắm của giá một cách vô ích nữa ?

Thưa các đạo hữu,

Như thế thì các đạo hữu chúng ta có nên sám-hối về cái lỗi sy mà chúng ta đã trót phạm từ xưa, và phát nguyện trước cửa Tam-bảo từ nay xin chừa đi không ?

Nam-mô A-di-đà Phật.

VIỆT-NAM THIỀN-TÔNG THỂ-HỆ

(tiếp theo)

Đời thứ chín. — Ba người đều khuyết lục.

Đời thứ mười. — Bốn người, khuyết lục một.

1. Trưởng-lão La quý 羅貴

Trưởng-lão trụ trì chùa Xong-lâm, làng Plù-rinh, phủ Thiệu-phúc. Quê Người ở làng An-châu, nhà họ

Định. Từ nhỏ đã đi du học đạo Thiền khắp mọi nơi. Trải bao nhiêu năm mà vẫn chưa được thầy hay lễ tham đạo. Trưởng-lão đã có ý chán. Sau nghe nói có Thông-thiện 通善 Thiền-sư dạy học chỉ nói một lời là học trò mở sáng được tâm địa, Trưởng-lão liền tìm đến xin ở lại học. Lúc Thông-thiện Thiền-sư sắp viên tịch răn lại Trưởng-lão rằng :

— « Ngày xưa Cụ tổ Định-không là thầy tôi, có* di chúc cho tôi rằng :

— « Mi giữ lấy pháp này của ta, gặp được người tri truyền cho người ta. Vậy nay là mi đấy. Mi nhận lấy pháp này, tôi thì đi đây ».

Trưởng - lão đã đắc pháp rồi bèn đi diễn hóa mọi nơi, tìm đất dựng chùa, hễ Người nói ra lời nào là thành sấm văn lời ấy. Trưởng-lão có đúc một pho tượng Lục-tổ bằng vàng để thờ ở chùa Lục-tổ. Sau Người sợ trộm cướp lấy mất, bèn tròn giấu xuống chỗ của chùa ấy và phó chúc cho đệ-tử rằng :

— « Hễ gặp đấng minh-vương thì sẽ ra, bằng gặp vị âm chủ thì ẩn đi ».

Lúc La-qui Trưởng-lão sắp tịch, Người răn cho đệ-tử là Thiền-ông 禪翁 rằng :

— « Ngày xưa Cao-biên khi đã đắp thành Tô-lịch rồi, hẳn biết rằng đất Cồ-pháp ta là chỗ có khi vương-giả, hẳn bèn đào con sông Diêm (甜江) và cái ao Phù-trần cùng nhiều chỗ nữa, là 19 chỗ để áp mạch ta đi. Nay ta đã khuyển làng Khúc-lâm (曲覽) lấp đầy đi như cũ cả rồi. Ta lại giồng một cây gạo ở chùa Minh-châu 明珠 để chặn những mạch bị đứt. Là vì ta biết rằng đời sau ở đây tất có đấng vương-giả ra đời để phủ tri cho chính pháp của ta đó.

Sau khi tạ mất rồi, Mi phải giữ lấy việc này cho kín, đắp một cái nền đất cao, xây ngọn tháp lên và đem quyền pháp-lịch 法曆 giấu vào trong ấy, chớ để cho ai biết ».

Nói xong thì La-quí Trưởng-lão tịch tuổi 85. Có sách chép năm ấy là năm bình-thân, niên hiệu Thành-thái thứ ba nhà Đường.

Khi La-quí Trưởng-lão giồng cây gạo. Người có làm bài kệ rằng :

大山龍頭起 Đại sơn long đầu khởi,
 虬尾隱朱明 Cầu vĩ ẩn Chu minh.
 十八子定成 Thập bát tử định thành,
 綿樹現龍形 Miên thụ hiện long hình.
 兔鷄鼠月內 Thỏ, kê, thử nguyệt nội,
 定見日出清 Định kiến nhật xuất thanh.

2. Pháp-thuận 法順 Thiên-sư

Không hiểu Thiên-sư quê ở đâu. Chỉ biết Người về họ Đỗ, học rộng thơ hay, có cái tài vương-tá, hiểu thấu việc đời. Xuất gia từ nhỏ, theo thầy Long-thụ Phù-tri Thiên-sư. Từ khi lĩnh thụ được pháp yếu rồi, nói câu nào thành lời xấm câu ấy. Hối triều Tiền-Lê mới sáng nghiệp, Người có công lớn vận trù định sách. Đến khi thiên hạ thái-bình, Người không chịu tước thưởng, vua Đại-hành lại càng kính trọng Người lắm. Vua Đại-hành gọi đến Người chỉ kêu là Đỗ Pháp sư mà không gọi chính tên, vua nhờ Người giúp cho mọi việc văn thư của Triều-dinh. Năm Thiên-phúc thứ 7, Sứ-giã nhà Tống là Nguyễn-Giác sang thăm nước ta. Vua Đại-hành sai Đỗ - Thuận Pháp-sư cải trang làm kẻ trò đồ để dò xem cách cử chỉ của Nguyễn-Giác thế nào. Tình cờ lúc ấy có hai con ngỗng bơi ở mặt nước. Nguyễn-Giác ngắm lên rằng :

鵝鵝兩鵝鵝 Nga nga lưỡng nga nga,
 仰面向天家 Ngưỡng diện hướng thiên-gia.

Dịch : Đói ngỗng trên làn nước,

Phương giờ những ngóng trông.

Đỗ-Thuận Thiên-sư lang cầm trèo trèo thuyền liền đọc tiếp lên rằng :

白毛鋪綠水 Bạch mao phủ lục thủy.

紅棹擺清波 Hồng trạo bãi thanh ba

Dịch: *Giòng xanh phủ cánh trắng,*

Sóng biếc gởi trèo hồng.

Giác nghe đọc lấy làm thần phục lắm.

Vua Đại-hành thường hỏi Thiên-sư về ngôi nước ngăn
giải thế nào ?

Thiên-sư đọc thành bài kệ rằng :

國祚如藤絡 Quốc-tộ như đằng lạc,

南天震太平 Nam thiên lý thái-bình.

無爲居殿閣 Vô vi cư điện các,

處處忌刀兵 Xứ xứ tức đao binh.

Dịch: *Ngôi nước giầy leo quấn,*

Giời Nam mở thái bình.

Trên điện đừng đa sự,

Đâu đấy miễn đao binh.

Niên hiệu Hưng-thống thứ hai, Đỗ-Thuận Pháp-sư bị
trích, thọ 76 tuổi. Người có làm một quyển Bồ tát hiệu
xám hồi văn 菩薩號懺悔 lun hành ở đời.

D, N. T.

PHẬT-HỌC VỚI KHOA-HỌC

Khoa học có hỏi rằng : Quả đất chạy xung quanh mặt
giời theo vòng bầu dục, vậy thì đĩa trưa là gần mặt trời
hay chiều hôm là gần mặt trời.

Câu hỏi trên này thường thấy hai thuyết giả nói :

Thuyết thứ nhất nói rằng : đĩa trưa là gần mặt trời, vì
đĩa trưa thấy nóng nhiều. Vì như ngồi gần lửa thì nóng
nhiều hơn là ngồi xa.

Thuyết thứ hai nói rằng : chiều hôm là gần mặt trời,
vì chiều hôm thấy mặt trời to hơn là đĩa trưa, vì như
con trâu ở gần, ta trông thấy to hơn là ở xa.

Xét thuyết thứ nhất viện lẽ nóng nhiều mà cho là đĩa
trưa gần mặt trời, hẳn cho chiều hôm là xa mặt trời.

thế sao gần lại thấy mặt giời bé mà xa lại thấy mặt giời to là nghĩa gì

Xét thuyết thứ hai viện lẽ rằng chiều hôm thấy mặt giời to mà cho là gần, hẳn cho bữa trưa là xa mặt giời. Đã nhận mặt giời là một khối lửa có sức nóng, làm sao chiều hôm gần mặt giời lại không thấy nóng hơn h^o nghĩa gì.

Xét cả hai thuyết nói đều không đúng cả.

Nay tôi xin đem Phật-học ra giải đáp xem và cố gắng hiểu Khoa-học thêm môn tài liệu cho rộng đường khảo cứu.

Chính-Mach Thiệu-Sur chủ thích kinh Lăng-nghiêm có nói câu thí dụ rằng: « Mặt giời tuy là một khối ngọc hỏa-ma-ni kết thành nhưng bản thể vẫn mát như mặt giếng, xin đem kính lấy lửa thí nghiệm sẽ biết ».

Mấy trăm năm nay khoa học vẫn cho mặt giời là khối lửa nóng, mà Thiệu-sur lại nói rằng bản thể mặt giời mát như mặt giếng, tưởng như trái ngược lắm nhỉ, mê tín chăng ?

Đề cuốn dề mặt đất, dơ cái kính lên gần với cuốn dề thì vòng sáng lờ to mà không nóng, tức như mặt giời về chiều hôm trông thấy to mà không nóng. Dơ cái kính hơi cao lên một ít nữa thì vòng sáng trở lại thu nhỏ lại bằng hạt đỗ mà sức nóng rất mạnh làm cháy cuốn dề ở dưới, tức như mặt giời giữa trưa xa quá đất hơn là chiều hôm mà ta thấy nóng rữ. Nếu dề cái kính xa quá lắm thì lại không nóng, tức như các xứ ở xa xích-đạo thì cực-hàn.

Xét như cái kính có công năng thu quát sức nóng của ánh mặt giời làm cho cháy cuốn dề ở dưới, mà lửa không chui qua mặt kính và bản thể cái kính vẫn mát, thì khối ngọc hỏa-ma-ni tức là mặt giời cũng có lẽ thu được hỏa-tính ở khắp không gian rồi chiếu rọi xuống làm cho mặt đất chỗ nào vừa lắm thì nóng rữ mà bản thể mặt giời vẫn mát như mặt giếng hay như cái kính lấy lửa, cũng có lý chứ không phải là mê tín vậy.

Vũ-văn-Dzương

GIẢNG KINH THẬP-THIỆN

(tiếp theo)

常 富 財 寶, 無 能 侵 奪,
 thường phú tài bảo, vô năng sâm đoạt,
 thường giàu của báu, không hay sâm cướp,
 thường giàu của báu, không hay sâm cướp,
 一 切 所 有, 悉 以 惠 給,
 nhất thiết sở hữu, tất dĩ huệ cấp,
 một thiết thừa có, hết lấy ơn cấp,
 hết thầy thừa có, đều cấp giúp hết,
 信 解 堅 固, 具 大 威 力,
 tín giải kiên cố, cụ đại uy lực,
 tin hiểu bền chắc, đủ lớn uy sức,
 tin hiểu bền chắc, đủ uy sức lớn,
 離 忿 怒 心, 而 行 施 故,
 ly phẫn nộ tâm, nhi hành thí cố,
 lia tức giận lòng, mà làm ra cố,
 vì lia lòng tức giận, mà làm bố thí,
 常 富 財 寶, 無 能 侵 奪,
 thường phú * tài bảo, vô năng sâm đoạt,
 thường giàu của báu, không hay sâm cướp,
 thường giàu của báu, không hay sâm cướp,
 速 自 成 就, 無 礙 心 智,
 tốc tự thành tựu, vô ngại tâm trí,
 chóng tự nên tới, không ngại lòng khôn,
 mau tự nên tới, không ngại tâm trí,
 諸 根 嚴 好, 見 皆 敬 愛,
 chư căn nghiêm hảo, kiến giai kính ái,
 mọi dễ nghiêm tốt, thấy đều kính yêu,
 mọi căn nghiêm tốt, thấy đều kính yêu,

離邪倒心, 而行施故,

ly tà đảo tâm, nhi hành thí cố,

liã công lộn lòng, mà làm ra cố,

vi liã lòng ngang trái, mà làm bỏ thí,

常富財寶, 無能侵奪,

thường phú tài bảo, vô năng sâm đoạt,

thường giàu của báu, không hay sâm cướp,

thường giàu của báu, không hay sâm cướp,

恆生正見, 敬信之家,

hằng sinh chính kiến, kính tín chi gia

thường sinh ngay thấy, kính tín chung nhà,

thường sinh chung nhà, chính kiến kính tín,

見佛聞法, 供養眾僧,

kiến Phật văn pháp, cung dưỡng chúng tăng,

thấy Phật nghe phép, cúng nuôi mọi sư,

thấy Phật nghe pháp, cúng nuôi các sư,

常不忘失, 大菩提心,

thường bất vong thất, đại bồ đề tâm,

thường chẳng quên mất, lớn bồ đề lòng,

thường chẳng quên mất lòng bồ đề lớn,

是爲大士, 修菩薩道

thị vi đại sĩ, tu bồ tát đạo

ấy làm lớn học - trò, sửa bồ tát đường

ấy là lúc đại sĩ tu đạo bồ tát,

時, 行十善業, 以施莊

thời, hành thập thiện nghiệp, dĩ thí trang

lúc, làm mười lành nghiệp, lấy ra kính

làm mười nghiệp lành, lấy công bố thí

嚴 所 獲 奉 利

nghiêm, sở hoạch phụng lợi.

nghiêm, thừa được vàng lợi.

trang nghiêm, thừa được lợi dâng.

1. Kê tướng phép bố thí độ. — Lúc bấy giờ đức Thế tôn lại bảo Long-vương rằng: Nếu có vị Bồ tát nào, y theo cái nghiệp thiện ấy, trong khi tu đạo, chừa được cái tội sát hại, mà làm đạo bố thí, thì thường được giàu có, lắm vàng lắm ngọc, không ai xâm cướp được, sống lâu không non yếu, không bị hết thầy các giặc thù làm hại; Chừa được cái tội không cho mà lấy, mà làm đạo bố thí, thì thường được giàu có, lắm vàng lắm ngọc, không ai xâm cướp, sướng hơn hết thầy, không ai bì kịp, lại hay thu tích được đủ đồ pháp bảo của Phật; Chừa được cái nết không phải là nết phạm mà làm đạo bố thí, thì thường được giàu có, lắm vàng lắm ngọc, không ai xâm cướp được, trong nhà đều trinh-thuận, mẹ và vợ con đều không dám lấy lòng muốn riêng mà dóm dò được; Chừa được các tội nói dối nói hão mà làm đạo bố thí, thì thường được giàu có, lắm vàng lắm ngọc, không ai xâm cướp được, chúng không ai hủy báng, giữ vững được chính-pháp, như lời thề nguyện, làm sao được như thế; Chừa được cái thói nói lý gián người mà làm đạo bố thí, thì thường được giàu có, lắm vàng lắm ngọc, không ai xâm được, họ hàng hòa mục, cùng một ý thú, không bao giờ ngang trái nhau; Chừa được tội nói thô-tục độc ác mà làm đạo bố thí, thì thường được giàu có, lắm vàng lắm ngọc, không ai xâm cướp được, hết thầy các hội, diều vui vẻ quy y, nói ra đều tin theo không ai trông cự lại; Chừa được tội nói vô nghĩa, nói láo mà làm đạo bố thí, thì thường được giàu có, lắm vàng lắm ngọc, không ai xâm cướp được, không nói viển vông, ai cũng kính theo, lại hay, khéo dùng phép phương tiện, phá tan những mối ngờ vực; Chừa được lòng tham lam mà làm đạo bố thí, thì thường được giàu có, lắm vàng lắm ngọc, không ai

sâm cướp được, có các cái gì, cũng làm ơn cho hết, lòng tin bền chặt, sức hiểu thâm thiết, đủ uy sức lớn : Chử, được lắm lòng dạn dũ mà làm đạo bồ thí, thì thường được giàu có, lắm vàng lắm ngọc, không ai sâm cướp được, lại tự tu thành được cái tâm trí vô ngại rất mau chóng, các căn đều trang nghiêm hoàn-hảo, ai thấy cũng yêu kính ; Chử được cái lòng bậy bạ điên đảo mà làm đạo bồ-thí, thì thường được giàu có, lắm vàng lắm ngọc, không ai sâm-cướp được, thường được sinh vào những nhà có kiến thức chính đính, có sức tin chân chính, thấy Phật nghe pháp, cúng dâng chư tăng, không lúc nào quên tẩm lòng bồ-đề, đó là lúc các bậc đại-sĩ tu đạo bồ tát làm mười điều thiện, lấy phép bồ-thí mà trang nghiêm, nên được những phần phúc lợi như thế.

2. — NÓI QUA NĂM ĐỘ SAU

如 是 龍 王, 舉 要 言 之,
 như thị long vương, cử yếu ngôn chi,
 hàng ấy rồng vua, cất nhón nói đấy,
 Như thế Long vương, nói về cốt yếu,
 行 十 善 道, 以 戒 莊 嚴
 hành thập thiện đạo, dĩ giới trang nghiêm
 làm mười lành đường, lấy răn kính nghiêm,
 vì làm mười điều lành, vì lấy giới trang nghiêm,
 故 能 生 一 切 佛 法 義 利,
 cố năng sinh nhất thiết Phật pháp nghĩa lợi,
 có, hay sống một thiết Phật phép nghĩa lợi,
 hay sinh hết thấy nghĩa lợi trong phép Phật,
 滿 足 大 願, 忍 辱 莊 嚴 故
 mãn túc đại nguyện, nhẫn nhục trang nghiêm cố
 đầy đủ lớn nguyện, nhạ nhục kính nghiêm có,
 đầy đủ nguyện lớn, vì lấy nhẫn nhục trang nghiêm.
 (còn nữa)

TÂY-VỰC KÝ

(tiếp theo)

Về phía Đông-nam, bên đường có một ngôi chùa lớn, tức là chỗ ngài Đề-bà thiết-ma A-la-hán làm bộ « Thửc-hân túc-luận », nói về nghĩa không có nhân ngã. Ngài Cù-ba A-la-hán làm bộ « Thành-giáo yếu-thực luận » nói về nghĩa có nhân-ngã. Vì cố chấp pháp như thế, mới sinh ra mỗi tranh luận mãi.

Ở đây lại là chỗ ngài Hộ-pháp Bồ-tát thuyết pháp trong bảy ngày, triết phục được 100 vị Luận-sư trong tiểu thừa.

Ở bên đây lại có một chỗ là chỗ xưa đức Như-lai nói pháp luân 6 năm. Có một cây gỗ, cao hơn 70 thước. Vì xưa Phật bẻ cành cây sủa răng vụt ra đây, thành ra mọc dễ đâm chồi, mỗi ngày một tốt lạ. Đến bây giờ các bợn tin nhầm, thường lại chặt cành bẻ lá rất tẻ, nhưng chặt chỗ nào lại mọc ngay chỗ ấy, vẫn cứ tươi tốt như thường.

Từ đó đi về phía Đông-bắc, hơn 500 dặm, đến nước Thất-la-phạt tất đề (quen gọi là nước Xá-vệ).

Nước ấy chu vi hơn 6000 dặm. Trong nước có hơn 300 ngôi chùa, tăng đồ chừng 3, 4000, đều học theo bộ « Chính-lượng ». Đó là nơi kinh-đô của vua Bát-la-tu-na-đặc-đa (quen gọi là vua Ba-tư-nặc) ngày xưa. Trong thành có cái nền điện cũ của vua.

Về phía Đông cách thành một ít, có một cái nền nhà cũ. Trên nền có một cái tháp, tức là cái nhà dâng lớn của vua Bát-la-tu-na-đặc-đa làm nền để giảng Phật thuyết pháp. Trên đó lại có một cái tháp, là nơi « tinh-xá » của sư-bà Bát-la-xá-bát-đề (tức bà gi Phật, ta quen gọi là Ba-xà ba-đề).

Về phía Đông có một cái tháp tức là cái nền nhà của ông Tu-đạt-đa ngày xưa. Bên nền nhà có một cái

tháp, tức là chỗ gã Ương-quật-ma cải tà quy chính ở đấy.

Về phía Nam ngoài thành chừng 5, 6 dặm, có rừng Thệ-đà (ta quen gọi là rừng Kỳ-đà), tức là cái vườn của ông Cấp-cổ-độc. Xưa là một chốn « Già-lam », bây giờ đã đổ nát cả rồi. Hai bên ngoài cửa Đông, mỗi bên đứng một cái cột trụ bằng đá, cao hơn 70 thước. Những ngôi nhà của vua Vô Ưu dựng lên đều hủy nát hết, chỉ còn một ngôi nhà ngồi ở giữa, trong có tượng vàng. Nhân khi Phật lên trời thuyết pháp cho mẹ nghe, vua Ưu-điền nhớ lắm, mới khắc gỗ chằm làm tượng Phật để chêm ngưỡng. Vua Ba-tư-nặc cũng bắt chước tạc nên pho tượng này. Đứng sau « già lam » một quãng, là chỗ một gã Phạm-chí ngoại đạo giết vợ để vu khống cho đức Phật.

Về phía Đông cách « già-lam » hơn 100 bước, có một cái hồ rất to, rất sâu, tức là chỗ chàng Đề-bà-đạt-đa đánh thuốc độc cho Phật, bị sứt đất dọa xuống địa-ngục.

Về phía Nam cũng có một cái hồ, là chỗ Đại-ngoan cù già-lê Tỉ-khuru báng Phật cũng bị dọa xuống địa-ngục.

Về phía Nam cách hồ đó độ hơn 800 bước lại có một cái hồ, tức là chỗ con gái giòng Bà-la-môn tên là Chiến già báng Phật cũng bị sứt đất dọa xuống địa-ngục. Ba cái hồ ấy đều sâu vô-đề cả.

Về phía Đông cách « già-lam » chừng hơn 70 bước, có một cái « tinh-xá » lớn. Trong có tượng Phật, ngồi ngảnh mặt về phía Đông, tức là chỗ đức Như-lai cùng các nhà ngoại đạo bàn bạc đạo lý ở đấy.

Về phía Đông có một cái « Thiên-từ » to cũng bằng nhà « tinh-xá ». Lúc bóng mặt trời soay đi thì bóng « Thiên-từ » không đến « tinh-xá » mà bóng « tinh-xá » lại che lấp cả « Thiên-từ » cách đó độ 3, 4 dặm, có một cái tháp, tức là chỗ ngài xá-ly-Phất luận-lý với các ngoại-đạo ở đấy.

Về phía Tây-bắc ngoài thành chừng hơn 60 dặm có một cái thành cũ, tức là cái thành của thân phụ đức Phật Ca-diếp ở trong đời Hiền kiếp. Ở phía Nam thành là chỗ ngài mới tu thành chính-giác, mới về hầu cha.

Về phía Bắc thành lại có một cái tháp. Trong tháp có toàn thân « xá-lị » Phật Ca-diếp, đều do vua Vô-ru xây lên cả.

Từ đó đi về phía Đông-nam, đi hơn 800 dặm, đến nước Kiếp-ti-la pháp-túy-đồ (ta quen gọi là nước (Ca-ti-la-vệ).

Thành chu vi hơn 4000 dặm, đô-thành hơn 10 dặm, đều đồ đá cả. Cung thành chu vi 15 dặm, xây toàn bằng gạch, rất là bền chặt. Trong còn có nền cũ, tức là nơi chính-điện của vua Tịnh-phạn, trên làm một cái « tinh-xá » trong có tượng vua.

Phía Bắc có cái nền cũ, tức là nơi điện nghị của Ma gia phu-nhân, trên làm một cái « tinh-xá », trong có tượng của phu-nhân. Bên có một cái « tinh-xá » là chỗ đức Thích-ca vào đầu thai trong bụng mẹ, trong có pho tượng Phật giáng sinh.

Trong bộ Thượng-tọa chép rằng : « Đêm hôm 30 tháng Đĩ-niết-la-át-sa-trà Phật tử xuống đầu thai » tức là ngày rằm tháng 5 bên ta. Các bộ khác thì chép là ngày 23, tức là mồng 8 tháng 5 ta.

Về phía Đông bắc có một cái tháp, tức là chỗ ông tiên A-lu-đà đến xem tướng Thái-tử Hai bên thành, còn có chỗ Thái-tử thi sức với các lực sĩ họ Thích. Lại có chỗ Thái-tử đi chơi ngoài 4 cửa thành, chân ngựa quay xe về và chỗ cưỡi ngựa vượt thành chốn đi nữa.

Từ đó đi về phía Đông, đường qua các cánh rừng hoang, có hơn 500 dặm, đến nước Nam-ma, (Trung Ấn-độ), dân cư thưa thớt.

Về phía Đông nam thành cũ có một cái tháp, cao hơn 50 thước, tức là cái tháp sau khi Phật tịch rồi, ông vua

nước ấy chia được « xá-lị » đem về xây đền thờ trước nhất, thường có ánh hào quang tỏa ra. Bên đó có một cái « ao rồng », thường thấy rồng biến ra hình người đi nhiều quanh tháp niệm Phật, các con voi rừng thường bê hoa đem đến đây cúng dâng. Cách đó một quãng, có một ngôi chùa. Người trông nom việc chùa, toàn là sa-di cả. Tương truyền rằng : « Ngày xưa có một thầy bi-su, rủ các bạn đồng-học đến đó lễ bái, trông thấy các con voi rừng bê hoa đội đến trước tháp cúng, lại lấy ngà rũi cõ, lấy vòi hút nước tưới, các thầy trông thấy đều cảm kích than thở, có một thầy quyết bỏ cả đại-giới (giới sư ông), xin lưu lại cúng dâng và bảo mọi người rằng :

— Voi là loài súc sinh, còn biết kính tháp, dâng hoa giõn tưới, chúng ta là người, nương Phật xuất-gia, có lẽ nào trông thấy cảnh hoang tàn mà lại không sửa sang được ư ?

Rồi một mình ở đó, làm nhà lều ở, đào ao đắp nấp, trồng cây trồng hoa, mưa gió nóng rét, không hề chán nản. Các nước láng giềng nghe thấy thế, đều xuất tiền xuất của, cùng làm nên chùa, lại nhờ thầy bi-xu ấy ở đó trông mọi việc. Đòi đòi truyền nối, đều theo một nếp như thế ».

Đi về phía Đông chùa ấy, qua một cái rừng lớn độ hơn 100 dặm, có một cái tháp, do vua Vô-uru xây lên, tức là chỗ Thái tử vượt qua thành đi, đến đó thì cởi áo chít mũ giao cho Xiên-đặc-ca (Xa-nặc) mang về. Cả chỗ cất tóc cũng có tháp kỉ-niệm.

Đi qua rừng ấy, đến nước Câu-thi-na-yết-la, là một nước rất hoang tàn hiểm trở.

Về phía Đông-hắc trong thành, có một cái tháp, do vua Vô-uru xây lên, tức là cái nền nhà cũ của Ngài Chuẩn-đà. Trong nhà có một cái giếng, lúc mới cúng dâng thì đào giếng ấy để lấy nước riêng, bây giờ cũng vẫn trong lắm.

(còn nữa)

Thư cho Nam-hải Tiên-sinh

(Tập văn-thư của Quảng-Tràng-Thiệt Cư sĩ)

Nam-hải Tiên-sinh

Điện-giám

Thư Tiên-sinh,

Từ ngày Em bận việc khảo-cứu Phật-học, ít có thì giờ viết thư thăm Tiên-sinh và Lệnh-guýn, lòng vẫn bồn-khoăn. Thì ra Tiên-sinh vẫn không quên Em, hôm kia bỗng tiếp được thư của Tiên-sinh hỏi thăm Em. Bấy lâu xa cách nước non, nay được nối lời vàng đá, Em thực lấy làm cảm động vô cùng. Sau mấy lời hàn-huyên tâm-sự, Tiên-sinh có tỏ cho Em biết rằng : ở Qui hạt có nhiều vị cao-tăng tức nho và tân-học mà thám-bác, cũng muốn hưởng ứng với hội Phật-giáo để làm việc cho Xã hội. Nhưng các Ngài đều chưa hiểu rõ chỗ mục-dịch tiến-hành của hội Phật giáo thế nào. Vậy em vội-vàng viết bức thư này, nhờ Tiên-sinh chuyển đạt cùng Chư Qui vị Cao-tăng, Túc-nho và Tân-học, đã nặng lòng bác ái, sẵn chí cứu đời ấy cùng giám lượng :

Mục-dịch của hội (hấn-hưng Phật-giáo là làm thế nào cho cái mục-dịch cứu-thế của đạo Phật được hiện-thực ra cõi nhân-sinh này, cho những linh-thần bình-đẳng tinh-thần thoát mọi sự khổ được mọi sự vui, phủ-cập đến hết thảy quần-chúng. Công-việc tiến-hành chia ba thời-kỳ là thời-kỳ tổ-chức, thời-kỳ cải-cách, thời-kỳ truyền-bá.

Thời-kỳ tổ-chức là thời-kỳ bắt đầu, cần cho có nhiều người đồng chí vào hội, để tổ-chức thành thống-hệ đủ mọi cơ-quan của một hội-xã mà làm việc. Thời-kỳ này cần phải hội-thực cho chỗ cơ-quan trung-ương có cái cơ sở vững vàng, có nơi hội-sở sừng-dang để các chi hội lui tới. Mọi sự nghiệp tiến-hành của toàn hội đều quan-hệ ở đó.

Khi hội đã có cơ sở vững vàng rồi, sẽ thực hành công việc cải cách về nội dung. Ấy là thời kỳ thứ ba. Công việc cải cách phải làm cho triệt để khiến cho đạo Phật xứ này, từ tinh thần đến hình thức, thành hẳn ra một đạo Phật mới, một đạo Phật hoạt động, mật thiết với xã-hội loài người, ấy gọi là nhân gian Phật-giáo. Về giáo lý phải bài trừ những cái quan niệm chán đời vì kỹ sai lầm đi, cho cái tinh thần cứu thế lợi tha được hiện thực. Về học vấn phải mở rộng phạm vi, hội thông cả triết học, khoa học đồng tấy để bổ trợ cho đạo Phật thêm hưng. hiểu. Phải tẩy trừ hết mọi mối mê tin nhằm nhĩ không hợp chân lý mà có hại cho đời, ngăn trở cho sự tiến hóa như vàng mã, đong bóng, thờ nhảm, địa lý, bói số vãn vãn. Chính lý các lễ nghi thờ cúng cho giản khiết thanh tịnh, cai chế các y quan phục sức, dời chỗ độ sơn mỗn ra làm chỗ độ giáo hội. chỉnh lý tăng hội, hòa hợp tăng tục, vô phân tịnh nhĩm, miễn là có nhiều người đủ tư cách hoằng pháp lợi sinh. Hội nhận lấy mọi việc có tính chất xã hội làm nhiệm-vụ của mình, như giao dục, y tế, cứu thế, cổ động và tán trợ mọi việc cải lương hương chính hương tục, mọi việc kiến thiết ở các làng vãn vãn.

Nội dung đã cải cách và chỉnh đốn, tiện thị tiến hành sang thời kỳ thứ ba là thời kỳ truyền bá và thực hành sự nghiệp với nhất bun xã hội.

Tuy nhiên, trên ấy phân ba thời kỳ cho có thứ tự mà tiến hành đó thôi. Thực ra thì công-việc hai thời kỳ sau đều đã dự bị hoặc thí nghiệm cả ở thời kỳ thứ nhất.

Thưa Tiên sinh cùng Chư vị Quý giáo. Mục đích duy nhất của hội Phật giáo là như thế. Chỗ chân tâm thành ý cứu hội Phật-giáo hoàn toàn bực bạch ở đó. Ngoài ra không có chút chi là riêng tấy hể thấy. Nay công việc liểu hành của Hội, cơ quan tiệm đủ, cơ sở hầu đã vững vàng, đang nhu dụng đến nhiều nhân tài để thực hành sang thời kỳ thứ hai là thời kỳ cải cách nội dung giáo-vụ.

Thưa Các Ngài, chắc Các Ngài cũng thừa hiểu rằng công việc đề lạo bang quốc, vấn đề giáo hóa và vấn đề xã hội cũng cần thiết không kém gì vấn đề chính trị, mà hai vấn đề trước còn làm đất đứng cho vấn đề sau. Cho nên nhà diễn kịch tuy có dư tài mà gặp phải cái bực sân khấu nào lung lay mục nát thì nhà diễn kịch ấy cũng chẳng nhảy múa vào đâu để trở được tài mình. Vấn đề giáo hóa vấn đề xã hội đối với vấn đề chính trị cũng y như thế không khác gì.

Thưa các Ngài, Ngài là bậc cao lẫm dư, « **Chúng-sinh độ hết, mới chứng nát bàn** ». đó là đại nguyện của Địa-tạng Bồ-tát. Ngài là bậc túc-nho dư, « **Ta phải đem đạo ta để tỉnh thức cho dân chúng** ». đó là lời hứa của Mạnh-đại-hiền. Ngài là bậc tân học thâm bác dư, « **Ta là người, việc gì có ích cho loài người là ta phải làm** » đó là lời nhà thi nhân Hy-lạp. Những chi nguyện thánh triết lớn lao trên ấy, Các Ngài đều hoài bão đã lâu

Tầm giá chưa thác, tơ nọ còn vương ;

Lúa cạn đang chờ, nước dâu không tưới.

Gần trông non nước, trùng trùng để vỡ cát bồi ;

Xa ngắm bề trời, ngàn ngụt mây lồng gió cuốn.

Đường tiến-hóa thênh thang rộng rãi, ai công đâu giắt kẻ sầy chân ; Chợ cạnh tranh số sát lật lờ, lợi chỉ kiềm ở thẳng ngo nghếch. Trời chỉ giúp người biết tự cường, Phật chẳng độ kẻ không tự dó. Thời thế như rứa, cảnh tình dường kia, xã việc giáo-hóa, việc xã hội ra, phỏng chúng ta còn làm được việc gì cần hơn nữa. Cớ duyên khó gặp, xin đừng bỏ qua. Nay kính

Ngu-khế Đông sơn bái.



PHẬT-HỌC VẤN-ĐÁP

(tiếp theo)

Hỏi : Công-nghiệp-lực (其業力) là thế nào ?

— Công-nghiệp-lực là cái sức chung của thiện-nghiệp hay ác-nghiệp của mọi người : trong một nhà mà đều được vinh-hoa phú-quý là cái sức thiện-nghiệp chung của mọi người trong một nhà ; một nước mà được thái-bình thịnh-trì là cái sức thiện-nghiệp chung của nhiều người trong một nước, cho đến một châu hay một thế giới cũng vậy. Trái lại, những nơi bị hỏa tai, thủy-lao binh-đao, tật, dịch v. v. . . là bởi cái sức ác-nghiệp của nhiều người trong địa phương ấy.

Ngoài thế-giới này : phương Tây có Cực-lạc-tĩnh-thổ (極樂淨土), giáo-chủ là đức A-di-đà Phật ; phương Đông có Lưu-ly-tĩnh-thổ (琉璃淨土), giáo-chủ là đức Quán-niêm Dược-sư Phật, đều là những nơi sung sướng sáng sủa, trang nghiêm, mỹ lệ, do cái sức thiện-nghiệp của một người tu thiện, nhờ cái nguyện-lực của hai đức Phật kể trên"uếp dẫn sang những thế giới ấy. Đã được sang đấy thì tu hành thành Phật dễ dàng, không khi nào lùi lại làm người và các bậc dưới nữa.

Hiện nay các nhà thiên-văn nghiên-cứu : ngoài địa-cầu còn có nhiều tinh-cầu khác nữa nhiều tinh-cầu có người và vật như Địa-cầu, như thế thì cũng có nơi tốt đẹp hơn hay xấu xa hơn, đều tùy theo cái nghiệp-lực của chúng-sinh trong Tinh-cầu ấy. Và kinh Phật nói tam-thiên, đại-thiên Hằng-hà sa số thế-giới thì số thế-giới không biết đâu mà kể, cái thế-giới này chỉ là một tiểu vũ-trụ mà thôi, mà Nhân-gian không phải là nơi Tĩnh-tĩnh, bởi có 5 thứ ác-trọc như sau này :

A. Kiếp-trọc 劫濁 là thời đại nhiều loạn, nhiều sự không làm.

B. Kiến-trọc 見濁 là kiến thức bất chính, siêng làm tà thuyết.

C. Phiền-não-trọc 煩惱濁, là không được như nguyện phiến não trầm chiền.

D. Chúng-sinh-trọc 眾生濁, là người và động vật, ác nhiều thiện ít.

E. Mạnh-trọc 命濁, là sinh mệnh ngắn ngủi, khó được trăm năm.

Nhào-gian sở dĩ ác trọc như vậy là bởi cái sức ác nghiệp của đa số nhân vật.

Nếu muốn tránh cái thế giới này mà cầu vãng sinh sang Cực lạc tịnh thổ hay Lưu ly tịnh thổ, chỉ là phép tu Tiểu thừa, nghĩa là chỉ cầu độ lấy một mình mà thôi, tất phải có cái đại bi, đại nguyện, tùy duyên tế độ, cho toàn thể chúng sinh trong thế giới đều giác ngộ tu phúc, để kết thành cái sức thiện nghiệp chung thế giới Đại đồng, thành ngay tịnh thổ nơi nhân gian này mới là công đức của bậc Đại-thừa vậy. Ví dụ như người tỉnh Sơn-la là nơi còn quá kẹt, nhiều sự bất tiện, tìm về cư-trú ở Hanoi, như thế thì chỉ được một mình mà thôi. Phải làm thế nào cho toàn tỉnh Sơn-la cũng đổ bệ như Hanoi, thì mới thành-tựu công-deức Đại-thừa. Nếu cái nhân-duyên, thời tiết, có thể làm những sự nghiệp lớn lao để cứu đời, thì nên cần cứ những giáo lý của Phật mà thi hành những phương pháp phương tiện, như chính trị, giáo dục, đạo đức, nghệ thuật v. v. cho mọi phương diện cùng tiến, nước giàu dân mạnh, trí tuệ mở mang, làm lành tu phúc, kết tập thành cái thiện nghiệp công cộng của toàn thể địa-phương, thì nơi ấy là nơi tinh-thổ, không phải cầu ở đâu xa cả.

Phượng sơn : Nguyễn thiện Chính

BÀI CHÚC - TỪ CỦA BAN ĐẠO-SU

Chi Hội Phật-giáo huyện Thụy anh tiễn chân quan Vũ như Trúc thẳng Tri phủ Tiên hưng đọc tại Hội quán Thụy anh ngày 20 tháng tư năm Mậu dần

Nam-mô A-di-đà Phật,

Chúng tôi Thuyền tăng chi hội Phật-giáo huyện Thụy-anh xin cảm tạ hồi hương ông lớn bà lớn

sau này: Chúng tôi trộm nghĩ chúng tôi từ thuở bé xuất gia, nương nhờ cửa Phật, ở chốn bái tần, ít học, ít nghe, rất là cô lậu, chùa thanh cảnh nhát, khó sự tu hành. từ khi quan lớn về trọng nhậm huyện này: nao là đào sông đắp đê, tu cầu, thiết cống, khuyên dõ học hành, bố thí mọi việc, làm cho dân trong huyện đều được ấm no, chúng tôi dẫu tránh việc quan đi ở chùa, mủ ni che tai, sự ai chẳng biết, song thấy trong huyện được thịnh vượng cũng mừng thầm mà bảo nhau rằng: « Thiên hạ được mùa, sãi chùa no giã » Vậy những việc trước Quan Lớn đã làm dẫu công ích cho cả Huyện hạt mà chúng tôi cũng được chung phần hưởng thụ. Vậy nay gặp hồi Phật-giáo chấn-bưng, quan Lớn sốt sáng đem lòng mộ đạo, theo như qui tắc Trung-ương, hội cả tăng ni và thiện tín lập ra chi hội, hết lòng khuyến dụ, chẳng quản công lao; đặt ban Trị-sự, Đại-lý, Quản-lý, điển-giảng, khảo kinh; khiến trong huyện hạt dẫu đến thảo am phế tự, đạo Phật điều được mở mang, lại được bà lớn cũng mộ đạo từ bi rộng lòng tế độ. Khi hè hạ ba tháng cùng dâng, lúc tuần rằm một lòng kính lễ, tưởng công đức ấy ai bằng, hiện đã dựng bia kỷ niệm, nhân nay Quan Lớn thăng quan nơi khác, chúng tôi nửa mừng nửa tiếc, nghĩ chúng tôi nương mình Bồ-thu thật là kém tình tưởng xã, lưu ngựa khấu quân, song chúng tôi trông bóng đường Âm, giám xin học thời cõ nhân, vin xe Thiệu-bá. Từ nay chúng tôi lên đến chùa, lễ Phật, trông thấy bia thấy Hội-quán không lúc nào không tưởng niệm đến quan lớn. Chùa Hội-quán mà được vẻ vang, thời công đức của quan lớn cũng cùng chùa mà bất hủ, chẳng những người nay hâm mộ mà muôn nghìn đời sau trông thấy bia xanh chữ đỏ, tấm lòng vàng ai chẳng ngợi khen, chúng tôi xin giáng chúc mấy câu sau này:

- « Tiễn hành xin chúc một đời cầu,
 « Bầy tỏ lòng thành những bấy lâu,
 « Thẽ đạo từ bi nhờ lượng cả,
 « Ra tay lễ độ trời ơn sâu.
 « Những nơi lậu hạng đã soi đuốc,
 « Mấy chốn mê tằm đã bắc cầu.
 « Lộ Phật chừng mình công đức ỳ,
 « Nghìn năm bia tạc để về sau.

Bích du tự

Sa-môn Tự Thông-Ngãi phụng soạn.

Việc làm chùa Hội-quán Trung-wương

Theo biên bản hội đồng bên tăng giới ngày 19 Octobre và biên bản hội-đồng Quán trị ngày 24 Octobre 1937, thì các hội viên trong hội đều cùng góp mỗi vị một đồng (1\$00) để lấy tiền khởi công làm chùa Hội-quán.

Vậy xin đăng phương danh các vị hội viên chi hội Hải-dương (liếp theo) đã cùng góp lên báo chương để các thiện-tín, thập-phương chứng giám.

Các ngài : Đông thi Quỳnh, Trịnh thị Tước, Phan văn Phúc, Vũ trọng Đức, Hồ văn Nhu, Bùi đình Duy, Nguyễn kim Bình, Lê thị Lưu, Lê thị Nghĩa, Trần thị Sỏi, Đinh văn Đầu, Đinh thị Ý, Nguyễn thanh Cao, Phạm văn Thực, Đinh hạc Kỳ, Lương văn Minh, Nguyễn khắc Thiệu, Phạm văn Khang, Phạm thị Duyên, Phạm thị Vang, Hà văn Thu, Đỗ dăng Tuệ, Lê thị Nhảm, Trần quang Tự, Phạm thị Lục, Vũ văn Đông, Trịnh đình B, Phạm tất Giu, Bạch văn Văn, Bà chủ mấy trai, Hoàng thị Chấn, Nguyễn bà Hèp, Chương thị Tý, Trần thị Sâm, Nguyễn thị Hai, Phạm thị Nhiều, Lê thị Bích, Nguyễn thị Duê, Phạm thị Ty, Nguyễn thị Điền, Nguyễn văn Thực, Đinh văn Tồn, Ngô thị Nhữ, Đinh thị Từ, Tạ thị Khuyên,

Nguyễn thị Á, Hà thị Ng, Vạn lý Hương, Bùi văn Trữ, Vương đình an, Nguyễn văn Kiện, Nguyễn thị Quyệt, Nguyễn duy ub, Hồ văn Chính, Nguyễn tất Đạt, Trần đình Dân Phạm thị Quảng, Phạm xuân Quế, Nguyễn văn Lai, Nguyễn kn Báo, Nguyễn quang Tọa, Phạm thị Tảo, Bùi doãn Cug, Nguyễn thị Thêm, Hoàng văn Thanh, Trương thị Võ Lưu thị Phiến, Nguyễn thị Sen, Nguyễn thị Nhuận, Hàng văn Ngọc, Rời thị Đoài, Phạm tường Hưng, Vương H Nhữ, Hoàng thị Phúc, Lê thị Thái, Phạm văn Phúc, Ma hoàng Thái, Nguyễn thanh Liên, Nguyễn văn Tải, Phan văn Hành, Trương văn Tâm, Hoàng phú Che Bùi ngọc Tròn, Phan tiến Đích, Lê xuân Đoàn, Vũ thị Đầm, Nguyễn văn Hiền, Vũ hữu Quảng, Nguyễn gia Hoan, Lê vị Lược, Đào văn Sáng, Đặng thị Toàn, Nguyễn văn B, Nguyễn quang Lập, Trần văn Giác, Lê viết Thụy, Vũ hị Phúc, Phạm thị Tuyên, Trần quang Hạnh, Tạ đặng Mãn, Nguyễn kỳ Nam, Lê văn Tỉnh, Bùi thị Khai, Thái hị Hòa, Nguyễn bá Lai, Dương văn Kiên, Mai thị Thục, Nguyễn sĩ Tự, Phạm thị Nhi, Bà giáo Hợi, Nguyễn văn Niều, Nguyễn văn Đội, Ngô văn Chao, Ngô văn Suý, Bùi văn Tắc, Đỗ văn Gấu, Ngô văn Kinh, Lê xuân Chính, Đặng thị Vinh, Nguyễn thị Giữa, Lê thị Vây, Phạm thị Ngưng, Phạm văn Các, Đặng thị Báo, Nguyễn văn Phong, Nguyễn văn Thứ, Nguyễn văn Đặc, Phạm văn Kế, Nguyễn th Điền, Trần thị Lộc, Nguyễn thị Năm, Nguyễn thị Mị, Đặng thị Song, Hoàng thị Đũi, Lê văn Kế.

Chi hội Bách-Lộc

Các ngài: Hạ thương Chung, Nguyễn văn Tung, Hạ quang Thái, Hạ văn Bùng, Nguyễn thị Liệt, Nguyễn thị Thiệp, Nguyễn thị Xuyến, Cấn thị Cảnh, Đào thị Hào, Bùi thị Hiến, Khuất văn Cầu, Kiều thị Đánb, Khuất thị Thiệp, Khuất thị Long, Khuất văn Ưông, Nguyễn thị Nhân, Kiều thị Nhạc, Nguyễn thị Hợp, Nguyễn thị Ngủ, Nguyễn duy Phu, Kiều hữu Lập, Hạ văn Luận. (còn nữa)

QUI TÍNH PHƯƠNG DANH CÁC VI
CÔNG ĐỨC ĐÃ CÙNG VÀO VIỆC LÀM CHÙA
TRUNG - ƯƠNG

Mme Ngô văn Tinh née Lê thị Tý	20\$00
47 Bd Đồng Khánh	
Mme Phạm thị Thuần, 54 Phố hàng Bè	5.00
Hiệu Đông thuy, 78 Rue du Chanvre	3.00
Hiệu Thịnh hưng, 27 Rue du Coton	5.00
Mme Nguyễn thị Em, 115 Phố Sinh từ	3.00
Hiệu Vĩnh An, 31 Phố Cửa nam	3.00
Ích Long hiệu	3.00
Mme Phạm thị Đường	3.00
M. Trịnh khắc Ninh	1.00
Mme Trịnh khắc Ninh	1.00
M. Vũ hồng Tiêm	1.00
Sư bà Đàm Nhân	1.00
M. Nguyễn văn Khiết	1.00
Mme Hoàng thị Liên	5.00
Quan Cử Hoàng gia Luận	100.00
M. Nguyễn đức Kiên	50.00
Mme Vũ thị Cơ Hưng-yên	2.00
Mme Trần đức Thuần Bắc giang	1.00
Mme Hoàng thị Tư, 60 Chanceaulme	1.00
M. Nguyễn hoài Luận	3.00
M. Nguyễn công Phụng, 120 A. Rousseau	1.00
M. Hoàn văn Nhân Hadong	1.00
M. Nguyễn văn Chứng, 42 Hà-trung	1.00
Mme BẮng 282 Khám thiên	5.00
Mme Phạm thị Riêm 43 Amiral Sénès	5.00

M. Quảng Tường 143 Hàng Bạc	10.00
Cụ Bết Dây 47 Hàng non	5.00
Mme Bảo Hưng 9 Phố Tô lịch	10.00
Mme Nguyễn Long 108 Hòa mã	5.00
Mme Trần ngọc Hậu 12 Hérel Brésis	4.00
Mme Nguyễn phẩm Hồng 11 Rue Laveran	5.00
Mme Nguyễn thị Yên 106 Phố Huế	3.00
Mme Tấn Long 78 Rue Médicaments	10.00
M. Lê văn Từ 57 Ngõ Phất lộc	10.00
M. Lê đức Thành 25 Rue des Tèsses	3.00
M. Dương hạ Xuân 17 Phố Châu Long	3.00
Mme Tham Dương 9 Rue Takou	5.00
Mme Ngô bằng Giục, 24bis Bd Gia long	10.00
Mme An Lợi 48 Hàng Mắm	5.00
Mme Thuận Xương 41 Hàng Bè	5.00
Mme Trần thị Vy 19 Vườn Hoa cửa nam	5.00
Cụ Thuận Tín 49 Phố hàng Vôi	100 tạ vôi.
Mme Nghĩa Lợi 86 Hàng Bạc	5.00
Hiệu Phúc Xương 13 Hàng Đào	5.00
Hiệu Dụ Lợi 15 Phố Nguyễn Khuyến	2.00
Mme Thuận Ký Đồng mỗ	2.00
Cụ Nguyễn gia Phong 96 Bờ sông	5.00
Mme Đức Thái dit Nguyễn thị Quý 50 R. Tubercules	5.00
Cụ Hải, 1 Phố hàng Mắm	3.00
Mme Ích Thái 54 Rue des Changeurs	5.00
Mme Lê quảng Long 50 Rue Takou	3.00
Mme Bùi thị Thụy 59 Phố hàng Mắm	3.00
Mme Ngô duy Ban 36 Hàng Bạc	10.00

(còn nữa)

THỜI SỰ

TIN TRONG NƯỚC

Việc đảo Tây sa đã tiếm yên. Chính-phủ Đông-dương đã chính thức nhận đảo. — Đảo Tây - sa (Paracels) tức ta gọi là đảo Hoàng-sa ở trong bể Nam-hải, trước Huế trông ra, một nơi cửa ngõ giữa Đông-dương, đường hàng-hải Nam-dương qua Hồng-công, Trung-quốc, Nhật-bỉn tất qua đó. Một nơi rất trọng yếu về quãa sự trong trông ra ngoài trông vào của Đông-dương. Trường tàu bay, nơi đổ tàu chiếa, vô tuyến điện đài, triệu hải-dãg đều cần có ở đó để làm nơi p'ông-ngữ. Mất Tây-sa tức là Đông-dương bị mất cái điểm canh cửa ngõ. Tuế mà đảo ấy từ đời vua Gia-long đã thuộc về nước Nam quãa cổ Gần đây Nhật đề ý. Tàu cũng đòi. Vì kế phòng thủ Đông-dương, chính-phủ Bảo hộ lấy sự thực trên lịch sử đảo ấy là của nước Nam nên đã chính thức phái chiếa hạm và lính khố xanh ra giữ đảo ấy. Nhật trước kháng nghj, nhưng rồi biết phái cũng đã êm êm, chỉ xin Chính-phủ Đông-dương bảo hộ cho kiều dân Nhật đến lấy phốt phát ở đấy và xin cung cho Nhật ít sắt

Cắm thủy cò. — Thấy bọn thủy cò cứ nhàn nhàn những người nhà quê thực thà đưa giắt những kẻ đương-sự ở cửa cóng mà kiếm lợi, làm nhiều người đương sự tai hại thêm. Bởi thế Quan Thông-sứ mới ra lệnh và tư các quan đầu tỉnh nếu thấy bọn thủy cò sea vào điều đình những việc hộ nơi cóng sở hoặc mới giới những việc ấy đến cửa cóng mà đủ bằng cứ thì có thể truy tố bọn ấy là trái pháp. Lệnh này ở cửa các nha phủ huyện cũng thi hành cả.

Canh phòng cầu Hồng-kiều ở Lầu-cai. — Cầu Hồng kiều là cầu sã đường xe hỏa Đông-dương Văn-nam, qua sông bèo này là Lầu-cai, bên kia là đất Tàu, vì có tin bèo Tàu ngờ là có tên Hán-gian làm Gián-điệp cho Nhật, trong

minh nó có máy vô tuyến điện rất nhỏ để thông tin, chúng mưu phá cầu Hồng-kiều nên mấy hôm ray ở hai đầu cầu, ấy canh phòng khám xét ngặt lắm.

TIN THẾ - GIỚI

Việc Âu châu. Hoàng đế nước Anh sang thăm Chính-phủ Paris. Hoàng-đế Anh là George VI và Hoàng hậu sang Pháp thăm Chính phủ Paris kết tình thân thiện hai nước. Tin Paris 20 Juillet, nước Pháp thết tiệc gia yến ở cố cung của vua Louise 11 Elysées đãi Hoàng-đế. Khi diễn thuyết Hoàng-đế nói có câu: « Chúng ta đều theo một lý tưởng trọng kính thần dân chủ ». Cuộc hảo hội này không những kết mối giao tình của hai cường quốc thứ nhất ở Âu-châu mà có ảnh hưởng lớn cho cả cuộc cờ toàn cõi Âu-châu. Vì thế quốc chủ Đức đã nói cái trục thời-cục Trung Âu mà phải sứ giả tỏ cho Hoàng-đế Anh rằng vấn đề Đức Tác sẽ cấp yên bằng sự hòa bình. Trời tây quang cơn rông tở, sinh linh hưởng phúc yên vui, người ta hi vọng cả ở cuộc giao-hảo này.

Việc Trung Nhật chiến tranh. — Cuộc Nhật Hoa giao chiến còn đương hăng, Nga bỗng chiếm đôi Chang-ku-feng ở địa giới Nga Mãn, vì thế Nhật phái 2 sứ thần qua Nga tranh nghị thì bị Nga giam 2 sứ thần ấy lại. Và cho Tàu chiển phi cơ thao diễn ở địa giới giáp Mãn-châu. Dự luận cho rằng Nga muốn nhân cơ hội Nhật đang bận việc đánh Tàu mà tuyệt xỉ phục thù trận Nga thua Nhật rằm 1905. Nhật một mặt ra vẻ xử nhũn, tin Đông-kinh, 20 Juillet nói Nhật hoàn toàn trông ở bức thư mà 2 sứ thần đem sang Nga chờ Nga phúc đáp. Một mặt dự bị họp kỳ hội nghị Lục quân khải cấp để đòi lại đôi Chang-ku-feng. Chưa biết mặt bắc Đông-Á sẽ ra yên tay loạn thế nào. Còn về Hóa-nam quân Tàu độ này vẫn giữ riết được thặng thế ở sông Dương-tử, lấy lại được Bành-trạch, ném bom đắm tàu chiến Nhật không cho vào đánh Hán-khẩu. Bên quân Nhật thì 19 chiếc máy bay ném bom xuống Hán-khẩu trước 20 Juillet chết nhiều người, Nhật lại ném bom xuống đảo Hải nam.

Chương trình lễ nghi lễ

dịp tết Trung-Nguyên

Ngày 13 tháng bảy (8-8-38) :

- BUỔI SÁNG** 8 giờ Tiếp linh,
10 - Cúng Phật,
11 - Triệu linh chủ thực.

- BUỔI CHIỀU** 3 giờ Làm lễ đại sám,
7 - Làm lễ hành nguyện.
8 - Giảng kinh,
9 - Ban Hộ-niệm làm lễ.

Ngày 14 annam (9-8-38) :

- BUỔI SÁNG** 8 giờ Ban đại học làm lễ,
10 - Cúng Nhị-Thánh,
11 - Chủ thực.

- BUỔI CHIỀU** 3 giờ Ban Học-sinh Trung - học và
[Tiểu-học làm lễ,
5 - Cúng Thập-diện,
8 - Giảng kinh,
9 - Ban Hộ-niệm làm lễ.

Ngày 15 annam (10-8-38) :

- BUỔI SÁNG** 8 giờ Chư tăng làm lễ tự tứ,
10 - Lên tuần đại cúng,
11 - Chủ thực,
12 - Ban Hộ-niệm làm lễ.

- BUỔI CHIỀU** 3 giờ Ban Đồng-nữ làm lễ,
5 - Chư đại-đức và Hội-viên làm lễ cầu-nguyện cho các Hội-viên quá cố và chiến sĩ quốc nạn (có làm lễ truy điệu trước đài kỷ-niệm).
6 - Lên đàn thượng,
8 - Diễn thuyết. (Ta phải y theo lời Phật mà xây đắp cái nền Nhân-gian Phật giáo)

HỢP THO

(Các vị đã trả tiền báo Đuốc-Tuệ bằng mandat)

M. M. Nguyễn văn Mậu, Haiduong (76-99)	1\$50
Nguyễn hữu Phú, Vinhlong (76-99)	1.50
Đoái thuận Cơ, Gocong (76-99)	1.50
Nguyễn văn Thái. — (76-99)	1.50
Hứa tư An, Phan-thiết (76-99)	1.50
Lê chức Minh, Travinh (76-99)	1.50
Phan văn Gianb, Mytho (1-84)	2.60
Dương Thái, Haiphong (61-89)	1.50
Huệ Cbi, Bentre (76-99)	1.50
Đinh văn Trí, Bentre (76-99)	1.50
Nguyễn trọng Phú, Bôngson (76-102)	1.65
Phan văn Ngòa, Cholon (88-111)	1.50

Bà Lang à Hué. — Bản báo đã nhận được 20 chiếc tem (timbres) 0\$05 (1\$00) của bà rồi. Cảm ơn.

M. Nguyễn hảo Yến à Biên-hòa. — Đ. T. từ số 1 đến 52 và số 67 đều hết cả. Ngại vui lòng đợi. Khi nào tái bản, bản báo sẽ gửi hầu ngài ngay.

ĐUỐC-TUỆ

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

Iản báo vừa nhận được quyển Bắc-giang Địa-chỉ của ông Nhật-nham Trịnh-như-Tấu gửi tặng.

Quyển sách này ngoài những mục thổ-sản, đạo lộ có ảnh hưởng đến việc thương mại, việc giao thông, lại còn có nhiều điều ích lợi khác như về phương diện chính-trị, quân vụ, lại còn có bổ ích cho nhân tâm thể đạo như những tiểu sử của các vị anh hùng hào kiệt, trung thần liệt nữ ở hạt Bắc-giang, dọc đến, xem đến có thể làm cho ta phấn khởi lên con đường đạo đức. Vậy xin giới thiệu cùng đọc giả Đuốc-Tuệ.

GIẤY NÓI

Cụ Chánh Hội-Trưởng hội Phật giáo, Thái-Hà-ấp : Số 836
Nhà in Đuốc-tuệ, chùa Quán-Sứ 73 Ricbaud Ha noi : Số 832

Imp. ĐUỐC-TUỆ

Quản lý CUNG ĐÌNH BÌNH